

Số: 791/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2026;

Thực hiện Kết luận số 04-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026.

Xét Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và dự kiến kế hoạch năm 2026, Báo cáo thẩm tra số 415/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 với các nội dung sau:

1. Tổng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 là **43.071.700** triệu đồng, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương: 42.542.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung: 2.338.000 triệu đồng;
- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 40.120.000 triệu đồng;
- Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng;

1.2. Vốn ngân sách Trung ương: 529.700 triệu đồng.

(Phụ lục số 01 chi tiết kèm theo)

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2026**2.1. Nguyên tắc chung**

a) Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2026-2030 và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, mạnh mún. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên kết vùng, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế xã hội,...

c) Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 56 và khoản 7 điều 51 Luật Đầu tư công (Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, trừ kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên).

d) Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

đ) Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 532/TB-VPCP ngày 04 tháng 10 năm 2025 và của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc tại Văn bản số 9886/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ, để thực hiện tiết kiệm ngay từ đầu năm 5% chi đầu tư công nguồn ngân sách trung ương từ khâu phân bổ dự toán, kế hoạch đầu tư công năm 2026, không bao gồm vốn bố trí cho các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, vốn bố trí để thực hiện 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương.

2.2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách trung ương

a) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án quan trọng quốc gia;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

c) Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030.

2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương

Bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2026, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trong đó lưu ý ưu tiên:

a) Bố trí đủ vốn để thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2026;

c) Bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia theo quy định, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

d) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2026, (bao gồm cả dự án chuyển tiếp của cấp huyện (cũ) chuyển về cấp tỉnh), giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường bộ cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án;

e) Các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

g) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2.4. Đối tượng cho vay, điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh

a) Tuân thủ quy định tại các Điều 54, 55 và 56 của Luật Đầu tư công;

b) Bảo đảm khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện; bảo đảm khả năng thu hồi vốn ngân sách địa phương đã bố trí để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi;

c) Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại các Điều 59 và 60 của Luật Đầu tư công.

d) Đối tượng cho vay cụ thể như sau:

- Người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Người chấp hành xong án phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

- Người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

- Các đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Các đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023 và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Các đối tượng thuộc chương trình tín dụng chính sách xã hội khác do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Phương án phân bổ

Tổng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước là **43.071.700** triệu đồng thực hiện phân bổ như sau:

3.1. Nguồn vốn đầu tư công là 43.035.350 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương: 529.700 triệu đồng; phân bổ như sau:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước: 475.000 triệu đồng; phân bổ cho 02 dự án dự kiến hoàn thành năm 2026; 01 dự án chuyển tiếp;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài): 54.700 triệu đồng; phân bổ cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2026;

b) Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: 32.276.150 triệu đồng (*bao gồm: Vốn ngân sách tập trung 2.338.000 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất 29.854.150 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng*). Phương án phân bổ như sau:

- Phân bổ vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 764.402 triệu đồng (*chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 đến nay đã hoàn thành phê duyệt dự án đầu tư*).

- Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch: 40.000 triệu đồng;

- Phân bổ cho các chương trình, dự án hoàn thành năm 2026: 3.047.505 triệu đồng;

- Phân bổ cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ: 9.302.911 triệu đồng;
 - Phân bổ dự án thuộc danh mục kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đến nay đã hoàn thành phê duyệt dự án, khởi công mới năm 2026: 1.255.633 triệu đồng;
 - Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh các dự án giao cấp huyện cũ (thuộc tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên cũ) làm chủ đầu tư (nay bàn giao về cấp xã): 5.328.091 triệu đồng;
 - Hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc kế hoạch vốn 2021-2025 do cấp huyện (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) chuyển về cấp xã; dự kiến tổng số vốn: 2.901.369 triệu đồng;
 - Chi đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 642.213 triệu đồng; trong đó: dự án chuyển tiếp số vốn là 22.478 triệu đồng; số vốn còn lại 619.735 triệu đồng phân bổ chi tiết cho các dự án mới khi có đủ thủ tục đầu tư theo quy định;
 - Chi hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại tỉnh Hưng Yên: 600.000 triệu đồng; phân bổ chi tiết khi dự án đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công;
 - Phân bổ cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên: 300.000 triệu đồng;
 - Bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: 221.500 triệu đồng;
 - Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 84.000 triệu đồng, phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;
 - Phân bổ 7.788.525 triệu đồng cho các công trình dự án đầu tư công khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.
- c) Nguồn vốn cấp xã quản lý 10.229.500 triệu đồng: phân bổ cho các dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công của cấp xã.

3.2. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển khác từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 36.350 triệu đồng, trong đó chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biên động, chỉnh lý hồ sơ địa chính: 11.350 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục số 02, 03, 04, 05 và 06 gửi kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận số 04-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tỉnh ủy.

- Đối với các nội dung điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; phân bổ chi tiết một số nguồn vốn bổ sung, tăng thu (nếu có), các nguồn vốn chưa có phương án phân bổ chi tiết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền để xem xét, quyết định,

cho ý kiến theo quy định của pháp luật.

- Đối với nội dung dự kiến hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc kế hoạch vốn 2021-2025 do cấp huyện (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) chuyển về cấp xã là các dự án chuyển tiếp của giai đoạn đầu tư công 2021-2025. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính rà soát các dự án theo tiêu chí phân bổ đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định việc hỗ trợ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ 34 nhất trí thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	43.035.350	
A	KẾ HOẠCH VỐN GIAO TRONG NĂM	43.035.350	
I	Phân theo nguồn vốn	43.035.350	
1	Vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách địa phương	42.505.650	
-	Vốn ngân sách tập trung	2.338.000	
-	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	40.083.650	
-	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	84.000	
2	Vốn đầu tư công ngân sách trung ương	529.700	
a	Trong nước	475.000	
-	Đầu tư các dự án	475.000	
b	Nước ngoài	54.700	
II	Phân theo cấp ngân sách	43.035.350	
1	Vốn đầu tư công trong kế hoạch	43.035.350	
a	Cấp tỉnh quản lý	32.805.850	
-	Ngân sách tập trung tỉnh quản lý	2.338.000	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	84.000	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	29.854.150	
-	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	475.000	
-	Vốn nước ngoài	54.700	
b	Cấp xã quản lý	10.229.500	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	10.229.500	

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC NĂM 2026 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	KH vốn năm 2026		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó NSTW	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		1.431.984	475.000	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		1.431.984	475.000	
a	Dự án chuyển tiếp				
1	Dự án xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00 - Km14+420 giao với QL39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1896/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	94.297	37.313	Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án
2	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội	1239/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	120	120	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức PPP	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.337.567	437.567	

Phụ lục số 03

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2026
TÌNH HÌNH YÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	KH vốn NSTW 2026		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ		54.700	54.700	
	Dự án chuyển tiếp				
1	Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình giai đoạn 2020-2023	381/QĐ-TTg, 16/3/2020; 643/QĐ-UBND, 26/02/2021	31.033	31.033	
2	Bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình	1255/QĐ-TTg ngày 15/8/2020 613/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	23.667	23.667	

Phụ lục số 04

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN NĂM NĂM 2026 TỈNH HƯNG YÊN

(Nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn XSKT)

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		24.403.625	1.834.095	22.569.530	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		12.043.149	1.265.329	10.777.820	
a	Dự án hoàn thành		3.008.517	1.265.329	1.743.188	
1	Xây dựng tuyến đường ĐT.384B (đoạn từ nút giao với tuyến đường bộ nối hai đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến giao với ĐT.378).	1083/QĐ-UBND ngày 24/05/2024	493.000	150.000	343.000	
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.387 đoạn từ nút giao QL.5 đến QL.38 (Km8+417 – Km15+700).	1157/QĐ-UBND ngày 03/06/2024	155.460	155.460		
3	Dự án tuyến đường Tân Phúc - Vông Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	1142/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	149.342	149.342		
4	Đầu tư xây dựng đường Vân Du-Phù Ứng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382, huyện Ân Thi)	1489/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	86.979	86.979		
5	Dự án Xây dựng ĐT.377 (đường quy hoạch mới) đoạn từ điểm giao với ĐH.73 đến điểm giao với ĐT.376	143/QĐ-UBND ngày 17/01/2022; 2621/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	137.693	137.693		
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.380 đoạn Km0+000 đến Km2+800	1983/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	9.500	9.500		
7	Dự án Xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00-Km14+420 giao với QL.39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1896/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	56.984	56.984		
8	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh trái, đoạn Km2+350 – Km14+420	1293/QĐ-UBND ngày 19/06/2023	140.274	140.274		
9	Xây dựng mới tuyến đường từ điểm giao QL.39 tại thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng đến điểm giao đường nối hai cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, kết nối mở rộng ĐH.73 huyện Kim Động đoạn từ Km0+000 đến Km1+550	2132/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	60.000	60.000		
10	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.382B đoạn Km14+420 -Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải)	1402/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	146.200	146.200		
11	Dự án nâng cấp, cải tạo ĐT.377 đoạn từ giao QL.39 (Km31+00) đến chợ Thi (Km37+500)	331/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	20.000	20.000		
12	Dự án xây dựng cầu Hải Hưng qua sông Chanh, kết nối tỉnh Hưng Yên và Hải Dương	1990/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	32.000	32.000		
13	Dự án Đường trục xã Cẩm Xá từ đường trục trung tâm đến thôn Nhuận Trạch	1804/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	18.690	18.690		
14	Dự án: Xây dựng đường nối QL.38B (Cầu Quán Đố) với ĐT.378	2747/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	89.000	89.000		
15	Dự án Xây dựng đường giao thông và kè sông Bần - Vũ Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	7547/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	615.027		615.027	
16	Dự án Xây dựng đường Chi Tân - Toàn Thắng (giao QL.39)	1574/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	184.900		184.900	
17	Dự án Xây dựng đường Chính Nghĩa - Phú Cường	1604/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	170.600		170.600	
18	Dự án xây dựng Đường bên đoạn Km19+640 (giao QL.38B) đến Km24+240 (giao QL39) tiếp giáp Tuyến đường bộ nối cao tốc HN-HP với CG-NB.	1697/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	123.100		123.100	
19	Xây dựng tuyến tránh QL.38 qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn qua từ ĐT.376 đến xã Đình Cao huyện Phù Cừ	2745/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	87.700		87.700	
20	Xây dựng tuyến tránh QL.38 qua địa phận huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên đoạn qua từ ĐH.72 đến ĐT.376	2746/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 4761/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	100.270		100.270	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
22	Đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7, huyện Yên Mỹ	2319/QĐ-UBND ngày 14/6/2018; 2655/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	259	259		
24	Di chuyển đường điện trung hạ thế phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường tránh QL.38B	3061/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	5.916	5.916		
25	Dự án đường vành đai phía Nam Thành phố Thái Bình, đoạn từ cầu Ngang S1 đến đường Chu Văn An kéo dài	256/QĐ-UBND, 26/01/2022; 1438/QĐ-UBND, 27/6/2025	114.223		114.223	
26	Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.452 (đường 224) đoạn từ Quốc lộ 39 xã Minh Khai đến đường ĐH.62 xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà	3438/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	2.000	2.000		
27	Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến đường từ thành phố Thái Bình qua cầu Tịnh Xuyên đến huyện Hưng Hà	1449/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	5.032	5.032		
28	Tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn (đầu tư theo hình thức PPP)	1658/QĐ-UBND; 12/6/2020	3.000		3.000	
29	Dự án nạo vét luồng hàng hải Diêm Điền	1955/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	1.368		1.368	
b	Dự án chuyển tiếp		7.838.999	-	7.838.999	
1	Xây dựng ĐT.376B (đoạn kết nối QL.39 với ĐT.386C)	1292/QĐ-UBND ngày 19/6/2023; 1054/QĐ-UBND ngày 19/9/2025	138.000		138.000	
2	Đầu tư xây dựng đường Đông - Tây I đoạn từ ĐT.378 đến ĐT.382B	897/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	1.095.770		1.095.770	
2	Xây dựng cầu Cửu An 1 (bên phải) và cầu Cửu An 2 (bên trái) trên đường bên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tỉnh Hưng Yên	663/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	242.230		242.230	
3	Dự án thành phần 2.2: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận tỉnh Hưng Yên thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1228/QĐ-UBND ngày 01/06/2023	334.558	-	334.558	
4	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	387/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	600.000	-	600.000	
5	Dự án nâng cấp đường Kỳ Đồng, thành phố Thái Bình (đoạn từ đường Trần Thủ Độ đến đường Trần Thái Tông)	1155/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	25.623		25.623	
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình- Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình theo phương thức PPP	1799/QĐ-UBND; 31/10/2024	900.877		900.877	
7	Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường trục kết nối với các khu chức năng trong khu kinh tế tỉnh Thái Bình	509/QĐ-UBND ngày 09/3/2022; 1362/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	700.000		700.000	
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ TP. Thái Bình đi huyện Hưng Hà kết nối với tỉnh Hưng Yên	305/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	800.000		800.000	
9	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn theo hình thức đầu tư công	157/QĐ-UBND ngày 5/2/2025	1.000.000		1.000.000	
10	Nút giao thông Phúc Khánh	3803/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	524.446		524.446	
11	Xây dựng tuyến đường vào cụm công nghiệp Ninh An, huyện Kiến Xương	4592/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	104.895		104.895	
13	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.382C đoạn từ giao với ĐT.387 đến đường trục trung tâm Khu đô thị phía nam QL.5	1728/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	229.000		229.000	
14	Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn Km19+750 - Km26+550 (trụ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378)	1729/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	354.000		354.000	
15	Dự án Xây dựng đường quy hoạch 69m từ đường Phạm Ngũ Lão (ĐT.387) qua khu công nghiệp Minh Đức đến cầu Sắt (QL.38), thị xã Mỹ Hào (giai đoạn 1)	1137/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	195.000		195.000	
16	Dự án Xây dựng các cầu vượt và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	532/QĐ-UBND ngày 11/8/2025	364.000		364.000	
17	Dự án Xây dựng đường ĐH.15 kéo dài từ đường ĐH.13 đến Cụm công nghiệp Minh Khai	3191/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	100.000		100.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
18	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 (đoạn từ Km0+00 đến K2+300)	2738/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.600		2.600	
19	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT.454 (đường 223) từ Thành phố Thái Bình đến cầu Sa Cao	3709/QĐ-UBND, 31/12/2020	28.000		28.000	
20	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2056/QĐ-UBND ngày 14/10/2011; 2435/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	100.000		100.000	
c	Dự án khởi công mới		1.195.633	-	1.195.633	
1	Dự án Xây dựng vành đai 3,5 (đoạn từ ĐT.378 đến QL.5)	1056/QĐ-UBND ngày 19/9/2025	348.833		348.833	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường gom dọc QL.39 đoạn từ giao QL.5 đến nút giao cầu vượt QL.39 (Km9+926 lý trình QL.39)	1884/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	846.800		846.800	
II	LĨNH VỰC NN&PTNT, THỦY LỢI		1.361.335	353.193	1.008.142	
b	Dự án chuyển tiếp		1.361.335	353.193	1.008.142	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trà Phương 3 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên	1724/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	71.000	71.000		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quang Trung 2 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ	1477/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	35.500	35.500		
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Văn Phú A thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1373/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	24.900	24.900		
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tại 02 xã thuộc vùng bãi sông Luộc: xã Nguyễn Hòa và xã Tổng Trân – huyện Phù Cừ theo Đề án Phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên	328/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	6.420	6.420		
5	Dự án xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hưng Yên	1363/QĐ-UBND Ngày 18/6/2025	83.588	83.588		
6	Dự án đầu tư xây mới cống Đồng Đồi tại K21+750 đê Hữu Hóa, huyện Thái Thụy:	1996/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	8.935	8.935		
7	Dự án xử lý cấp bách sạt lở đoạn cuối kè Nội Lang (đê bồi An Hạ 2) đê cửa sông tả Hồng Hà, xã Nam Hải, huyện Tiền Hải	1997/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	5.032	5.032		
8	Dự án nâng cấp đê Hồng Hà II đoạn từ K159+550 đến K160+000 xã Tân Lập và đoạn từ K169+850 đến K171+450 xã Vũ Tiên, huyện Vũ Thư	2000/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	8.868	8.868		
9	Dự án Xử lý cấp bách kè chống sạt lở kênh Khả Phú, huyện Kiến Xương	2027/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	8.828	8.828		
10	Dự án Xử lý cấp bách kè An Khê đoạn từ K33+900 đến K34+300 và nâng cấp đê đoạn từ K33+975 đến K34+535 và đoạn K35+100 đến K36+000 đê Hữu Luộc (K0 đê Hữu Hóa) huyện Quỳnh Phụ	2003/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	9.018	9.018		
11	Dự án Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống trạm bơm Múc, huyện Kiến Xương	2026/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	2.566	2.566		
12	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố cống Định Cư tại K9+897 đê cửa sông Hữu Trà Lý	Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	22.556	22.556		
13	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố đê cửa sông Tả Trà Lý đoạn từ K4+000 đến K14+300	Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	7.500	7.500		
14	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố đê Tả Hồng Hà I đoạn từ K136+500 đến K149+400, huyện Hưng Hà	Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	10.755	10.755		
15	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố đê Hữu Hóa đoạn từ K7+000 đến K12+000, huyện Quỳnh Phụ	Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	6.835	6.835		
16	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố đê Tả Hồng Hà II đoạn từ K171+000 đến K180+000	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	49.697	40.892	8.805	
17	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố cống Mộ Đạo tại K187+700 đê Tả Hồng Hà II	Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	25.000		25.000	
18	Nạo vét luồng vào cảng cá, khu vực cảng và một số công trình trên cảng cá Tân Sơn	1142/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	43.926		43.926	
19	Xử lý cấp bách tuyến đê I xã Bình Thanh, xã Bình Định, xã Hồng Tiên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	05/NQ-HĐND ngày 4/3/2021	142.518		142.518	
20	Nạo vét và kè chống sạt lở bờ kênh Hoàng Á Huy, huyện Đông Hưng	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024	23.491		23.491	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
21	Vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		764.402	-	764.402	
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Phân bổ chi tiết các công trình dự án</i>		764.402		764.402	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		122.653	44.371	78.282	
a	Dự án hoàn thành		7.345	7.345	-	
1	Dự án Nhà học 4 tầng, 20 phòng học Trường THPT Nam Tiền Hải	2328/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.979	2.979		
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà A4 thành phòng học, Ký túc xá 4 tầng thành phòng chức năng và đầu tư xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	2275/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	4.366	4.366		
b	Dự án chuyển tiếp		57.308	37.026	20.282	
1	Dự án đầu tư xây dựng nhà học bộ môn 12 phòng Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Du	1221/QĐ/UBND ngày 19/6/2025	7.909	564	7.345	
2	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục của trường THPT Phụ Dực	747/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	4.487	4.487		
3	Cải tạo sửa chữa ký túc xá - Nhà K, Trường Đại học Thái Bình	748/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	4.355	4.355		
4	Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề để tạo việc làm cho người khuyết tật tại Trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật Thái Bình	2465/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	12.937		12.937	
5	Dự án Nhà học và phục vụ học tập, các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hưng Nhân	431/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	27.620	27.620		
c	Dự án khởi công mới		58.000	-	58.000	
1	Dự án Xây dựng Trường THPT Ân Thi (Hạng mục: Khu hành chính quản trị và các phòng học chức năng; nhà lớp học, một số phòng học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ)	907/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	45.000		45.000	
2	Dự án Xây dựng nhà lớp học 03 tầng (15 phòng học) và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Quang Khải	906/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	13.000		13.000	
IV	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		762.671	85.171	677.500	
a	Dự án chuyển tiếp		762.671	85.171	677.500	
1	Dự án Khoa Hồi sức cấp cứu, khu kỹ thuật (chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, xét nghiệm, khu phòng mổ) BVĐK huyện Kiến Xương	2280/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	24.600	24.600		
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị truyền nhiễm và một số hạng mục phụ trợ BVĐK Vũ Thư, BVĐK Thái Ninh và BVĐK huyện Đông Hưng	2281/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	32.850	32.850		
3	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục công trình của BVĐK Phụ Dực, BVĐK Tiền Hải và BVĐK Nam Tiền Hải	2282/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	7.721	7.721		
4	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình tại Khu trung tâm Y tế tỉnh	47/NQ-HĐND ngày 04/10/2024; 630/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	677.500	-	677.500	
	<i>Dự án thành phần 1: Dự án đầu tư xây dựng nhà khoa khám bệnh và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ thuộc Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình tại Khu Trung tâm y tế tỉnh</i>	630/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	298.774		298.774	
	<i>Dự án thành phần 2: Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình tại Khu trung tâm Y tế tỉnh (nay là Bệnh viện Đa khoa Thái Bình tại phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên)</i>	1474/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	378.726		378.726	
5	Đầu tư xây dựng Trung tâm kỹ thuật xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, Nhà điều trị khoa Nhi và khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	1345/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	20.000	20.000		
b	Dự án khởi công mới					
V	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI		2.000	-	2.000	
	Dự án khởi công mới					
1	Tu bổ, tôn tạo đình Nghĩa Vũ, xã Minh Tân, huyện Phù Cừ	1365/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	2.000		2.000	
VI	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		642.213	-	642.213	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
a	Dự án chuyển tiếp					
1	Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình (giai đoạn 1)	3340/QĐ-UBND, 27/12/2021; 981/QĐ-UBND, 28/5/2025	22.478		22.478	
b	Dự án khởi công mới					
	Chi đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		619.735		619.735	
VII	LĨNH VỰC AN NINH, QUỐC PHÒNG		10.643	10.643	-	
a	Dự án hoàn thành		10.643	10.643	-	
1	Nhà ăn công an tỉnh Hưng Yên	2552/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	1.159	1.159		
2	Doanh trại đội cảnh sát PCCC và CNCH huyện Quỳnh Phụ, Thái Thụy	1123/QĐ-UBND, ngày 10/5/2021	7.691	7.691		
3	Xây dựng trụ sở làm việc của Công an 123 xã có cơ sở vật chất khó khăn (giai đoạn 1: Xây dựng 26 trụ sở)	2159/QĐ-UBND, ngày 30/9/2022	1.793	1.793		
VIII	CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT		16.000	-	16.000	
	Dự án hoàn thành		16.000	-	16.000	
1	Dự án Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Thái Bình	1325/QĐ-UBND; 30/6/2023	16.000		16.000	
IX	CÁC DỰ ÁN KHU ĐẠI HỌC PHỐ HIẾN		52.000	-	52.000	
a	Dự án hoàn thành		5.000	-	5.000	
1	Dự án đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	2372/QĐ-UBND ngày 7/12/2015; 1450/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	2.000		2.000	
2	Dự án hoàn thiện đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	1811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017; 1449/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	3.000		3.000	
b	Dự án chuyển tiếp		47.000	-	47.000	
1	Dự án Hoàn thiện đường trục phía nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	941/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	35.000		35.000	
2	Dự án đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến kéo dài (đoạn từ đường bộ nối hai cao tốc đến đường ĐH.72)	1258/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 1480/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	12.000		12.000	
X	CẤP VỐN ỦY THÁC CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH HƯNG YÊN		300.000		300.000	
XI	HỖ TRỢ CẤP XÃ (thuộc tỉnh Thái Bình cũ) thực hiện các dự án thuộc kế hoạch vốn 2021-2025 do cấp huyện chuyển về		2.901.369		2.901.369	
XII	CHI GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN CƠ SỞ 2- PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC BÁCH KHÓA HÀ NỘI TẠI TỈNH HƯNG YÊN		600.000		600.000	
XIII	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH		40.000	40.000	-	
	Dự án khởi công mới					
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1783/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	40.000	40.000		
XIV	BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH		221.500	-	221.500	
1	Quỹ bảo vệ môi trường		10.000		10.000	
2	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã		10.000		10.000	
3	Quỹ phát triển đất		200.000		200.000	
4	Quỹ phòng chống tội phạm tình		1.500		1.500	
XV	DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ GIAO CÁC XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ		5.328.091	35.388	5.292.703	
Xã 1	Phường Mỹ Hòa		51.746	-	51.746	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026					

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trục trung tâm đô thị thị xã Mỹ Hào đoạn từ đường Lê Quý Quỳnh đến nút giao Trung tâm viên thông khu vực IV (QL5)	3976/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	39.815	-	39.815	
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Phan Đình Phùng	9947/QĐ-UBND ngày 24/11/2021; 4072/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	11.931		11.931	
Xã 2	Xã Đại Đồng		6.196	-	6.196	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026		-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng công trình đường nối khu di tích Quốc gia Chùa Nôm với cụm di tích Quốc gia Kinh Dương Vương tỉnh Bắc Ninh trên địa phận tỉnh Hưng Yên	2941/QĐ-UBND ngày 08/12/2016	2.161		2.161	
2	Xây dựng HTKT khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở huyện Văn Lâm	3881/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	4.035		4.035	
Xã 3	Xã Hoàn Long		30.330	-	30.330	
a	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2025		-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối ĐT.379 với thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long	5178/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	2.000		2.000	
2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Đồng Long	7006/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	258		258	
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.45.	7091/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	54		54	
b	Dự án chuyển tiếp		-	-	-	
1	Xây dựng đường nối từ ĐT.379 đến ĐH.23, huyện Yên Mỹ	5466/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	2.000		2.000	
2	Khu dân cư mới thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	9304/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	3.800		3.800	
3	Xây dựng tuyến đường từ ĐH.42 đến ĐT.381, huyện Yên Mỹ	3927/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	22.218		22.218	
Xã 4	Xã Châu Ninh		52.450	-	52.450	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026		-	-	-	
1	Cải tạo nâng cấp ĐH.52 (đoạn từ ĐH.56 đến bến đò Tân Châu)	1668/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	25.000		25.000	
2	CTNC đường GT xã Đại Tập (Đoạn từ ĐH.51 đến nhà bà Nam San, thôn Minh Khai)	4098/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	19.900		19.900	
3	Lắp đặt đường điện chiếu sáng ĐH.56 (đoạn đóc Bái - bến đò Đông Ninh)	3555/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	7.550		7.550	
Xã 5	Xã Triệu Việt Vương		171.232	-	171.232	
a	Dự án chuyển tiếp		-	-	-	
1	Xây dựng tuyến đường trục chính khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung tại xã Tân Dân, Ông Đình, huyện Khoái Châu	2792/QĐ-UBND ngày 13/5/2022	15.678		15.678	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐH.57, huyện Khoái Châu	2887/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	19.000		19.000	
3	Xây dựng trụ cột đảo giao thông nút giao và trang trí đường ĐH.57 huyện Khoái Châu	2801/QĐ-UBND ngày 26/04/2025	12.554		12.554	
4	Tu sửa cấp thiết một số hạng mục phụ trợ di tích Quốc gia đặc biệt Đền hóa Dạ Trạch huyện Khoái Châu	3604/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	19.000		19.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu (đoạn từ ĐT.377 đến ĐT.378)	3926/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	5.000		5.000	
b	Dự án khởi công mới		-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377 (đoạn từ ngã ba Hàng đến ngã tư Đông Tào).	5175/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	100.000		100.000	
Xã 6	Xã Việt Yên		80.284	-	80.284	
a	Dự án hoàn thành		-	-	-	
1	GPMB đường ĐH.34 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐT.376 đến ĐH.42)	4947/QĐ-UBND huyện 31/12/2018	3.867		3.867	
2	GPMB đường quy hoạch số 1 kéo dài và đường quy hoạch số 7, huyện Yên Mỹ	4946/QĐ-UBND huyện 31/12/2018	4.560		4.560	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
3	Đường ĐH.34 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐT.376 đến ĐH.42)	4348b/QĐ-UBND huyện 31/10/2018	10.751		10.751	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026		-		-	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ ĐT.376 đến nút giao với ĐT.379), huyện Yên Mỹ	3588/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	40.000		40.000	
c	Dự án khởi công mới năm 2026		-		-	
1	Điểm tập kết rác tại xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	5468/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	1.622		1.622	
2	Điểm tập kết rác tại xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ	5467/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	1.217		1.217	
3	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mễ Thượng, thôn Từ Tây xã Yên Phú (Đoạn 1 từ công ty Ngọc Tề đến máng nổi Kênh Đông; Đoạn 2 Từ nhà ông Đăng đến đường công ty Ngọc Tề, máng nổi Kênh Đông; Đoạn 3 từ nhà văn hoá Mễ Thượng đến đường công ty Ngọc Tề, máng nổi Kênh Đông; Đoạn 4 Từ nhà ông Kỳ đến đường bê tông Bô Vùng thôn Từ Tây)	1928/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	10.000		10.000	
4	Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang ĐT.382B	6337/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	8.267		8.267	
Xã 7	Xã Phụng Công		55.608		55.608	
	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường vùng bãi Xuân Quan - Phụng Công	2603/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	36.707		36.707	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.379B, đoạn từ ĐT.378 (địa phận xã Xuân Quan) đến ngã tư Kim Lan Văn Đức	2604/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	6.100		6.100	
3	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	1847/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	6.601		6.601	
4	Xây dựng Nhà kỹ thuật nghiệp vụ, Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và Nhà đại thể Trung tâm y tế huyện Văn Giang	872/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	6.200		6.200	
Xã 8	Xã Văn Giang		366.785		366.785	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2026		-		-	
1	Xây dựng tuyến đh.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	893/QĐ-UBND ngày 03/05/2024	2.000		2.000	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Dương Quảng Hàm	3914/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	685		685	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá làm nhà ở TTVG	9519/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	61.650		61.650	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh nhánh ĐQ 5-2, xã Liên Nghĩa (từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường đi thôn Phù Bãi, xã Thắng Lợi), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên;	874/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	600		600	
5	Cải tạo, nâng cấp cống tiêu qua sông Đồng Quê, thôn Phi Liệt, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	877/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	800		800	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh nhánh KT7 (từ ĐT.379 đi ấp Bá Khê, xã Tân Tiến), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.	875/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	1.050		1.050	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026		-		-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.377, đoạn từ nút giao với đường ĐT.379B đến xã Tân Tiến, huyện Văn Giang (vị trí tiếp giáp với xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu)	1936/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	100.000		100.000	
2	Đường Thanh Niên kéo dài đến ĐH.26	5361/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	50.000		50.000	
3	Đường thanh niên kéo dài từ ĐT.377 đến đường Vành Đai 4- Vùng Thủ Đô	4083/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	50.000		50.000	
4	Đường Thanh niên kéo dài từ ĐH.26 đến ĐT.377	5360/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	100.000		100.000	
Xã 9	Xã Yên Mỹ		256.600		256.600	
a	Dự án hoàn thành		-		-	
1	Đường QH số 1, huyện Yên Mỹ	1231/QĐ-UBND ngày 28/4/2017; 1792/QĐ-UBND 29/7/2021	1.000		1.000	
2	Tu bổ, tôn tạo đền Hào Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ	7339/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	500		500	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà lớp học, nhà bộ môn, nhà bán trú và hạng mục phụ trợ trường THCS Đoàn Thị Điểm	2569/QĐ-UBND ngày 06/04/2023	1.000		1.000	
4	Xây dựng nhà ăn kết hợp nhà để xe và một số hạng mục phụ trợ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Mỹ	6152/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	500		500	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ - gđ 2	4898/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; 1880/QĐ-UBND ngày 27/6/2019; 1850/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	1.000		1.000	
6	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước thị trấn Yên Mỹ	95/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	1.000		1.000	
7	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh huyện Yên Mỹ năm 2023	9295/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1.000		1.000	
8	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường quy hoạch số 4 huyện yên Mỹ	5060/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	500		500	
b	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Hệ thống xử lý nước thải khu dân cư thôn Thu Thị, xã Tân Lập	5278/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	500		500	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ	4041/QĐ-UBND 17/9/2018; 2421 ngày 28/3/2023	3.000		3.000	
3	Khu dân cư mới thôn Hào Xuyên, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ	4610/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	10.000		10.000	
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường quy hoạch số 1	664/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	200		200	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Thị trấn Yên Mỹ (tuyến từ ĐH.40 đến Công an huyện Yên Mỹ)	990/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	6.900		6.900	
6	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.43, huyện Yên Mỹ	7850/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	15.000		15.000	
7	Xây dựng vỉa hè, đường gom thị trấn Yên Mỹ - xã Trung Hưng	7270/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	25.000		25.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường trục thị trấn Yên Mỹ (đoạn từ đường QH.01 đến ĐH.44)	1176/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	15.000		15.000	
9	Đường tránh ĐT.376 đoạn qua huyện Yên Mỹ và Ân Thi	898/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	40.000		40.000	
10	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến xã Tân Việt (Km12+200)	99/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	40.000		40.000	
11	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và cấp cứu Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	7613/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	40.000		40.000	
12	Khu dân cư mới thôn Hạ xã Trung Hưng và TT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	989/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	54.500		54.500	
Xã 10	Xã Nguyễn Văn Linh		260.852	-	260.852	
	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ đường QL.5 đến đường vào chùa Rồng)	6379/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	8.000		8.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.34 (đoạn từ ĐT.380 đến QL 39)	6455/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	2.000		2.000	
3	Đường ĐH.34 kéo dài từ điểm giao QL.5 đến giao ĐT.376	112/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; 956/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	10.000		10.000	
4	Cải tạo, mở rộng đường nối ĐT.380-QL39, đoạn qua thôn Liêu Thượng, xã Liêu Xá	4241/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	4.010		4.010	
5	Xây dựng tuyến đường nối ĐT.381 (cạnh trạm y tế cũ xã Giai Phạm) với ĐT.376 (cạnh công ty cơ khí Ngô Gia Tự)	7597/QĐ-UBND ngày 31/07/2023	6.000		6.000	
6	Xây dựng tuyến đường giao thông kết hợp kè bờ nam sông Cầu Treo (đoạn từ nhà văn hóa thôn Liêu Xá, xã Liêu Xá đến đường ĐT.380), huyện Yên Mỹ	5822/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	15.000		15.000	
7	Xây dựng mở rộng công Yên Thổ (đường ĐH.42 kéo dài), và 750m đường nối vào thôn thanh xá	2408/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	20.000		20.000	
8	Xây dựng đường nối từ đường QH số 4 đến ĐH.34 kéo dài	3968/QĐ-UBND ngày 09/06/2023	-		-	
9	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 (Đoạn từ ĐH.34 đến ngã 5 vòng xuyên Yên Mỹ)	1578/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	20.000		20.000	
10	Xây dựng tuyến đường nối QL.39 với ĐT.380 (cạnh công ty Đức Việt)	4991/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	4.000		4.000	
11	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường ĐT.380 (Đoạn từ ĐH.34 đến xã Tân Lập)	2606/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	799		799	
12	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 đến ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ	2714/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	45.000		45.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
13	Xây dựng đường ĐH.34 kéo dài (Đoạn từ ĐH.34 đến đường ĐT.376), huyện Yên Mỹ	2038/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	3.000		3.000	
14	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.381 (đoạn từ đường vào chùa rồng đến ĐT.376) huyện Yên Mỹ	3587/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	10.000		10.000	
15	Xây dựng tuyến đường ĐT.380 đi di tích Hải Thượng Lãn Ông - Nhà tưởng niệm cô Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh - ĐT.381	3752/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	60.000		60.000	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền và Lăng Phạm Công Trứ - giai đoạn 2	6527/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	43		43	
17	Dự án Tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử Đại danh y Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác	4284/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	2.000		2.000	
18	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp	6518/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	20.000		20.000	
19	Tái định cư đường ĐH.42, đường nối QL.39-ĐH.42 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Liêu Xá, xã Ngọc Long	5848/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	30.000		30.000	
20	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Mỹ	2039/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	1.000		1.000	
Xã 11	Xã Mỹ Sở		5.624	-	5.624	
	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Đường ven đê tả Sông Hồng, đoạn từ đường quy hoạch B=32m tại thôn Phi Liệt, xã Thắng Lợi đến đường quy hoạch vành đai 4 thôn Phú Trạch, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang	2551/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	5.624		5.624	
Xã 12	Xã Việt Tiến		26.953	-	26.953	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026		-		-	
1	Xây dựng tuyến đường nối ĐH.57 với ĐH.384 đoạn qua Xã Dân Tiến	952/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	26.953		26.953	
Xã 13	Phường Đường Hào		209.978	-	209.978	
	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào	2915/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	7.947		7.947	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Ngọc Lâm	917/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	751		751	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở và xây dựng khu hành chính phường Dị Sử	2329/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	40.848		40.848	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở và xây dựng khu hành chính phường Phùng Chí Kiên	646/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	19.356		19.356	
5	Xây dựng đường từ KCN Thăng Long II (nối tiếp đường Phùng Chí Kiên) đến ĐT.387	546/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	50.000		50.000	
6	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 (chân cầu vượt Phố Nối) qua tổ dân phố Đào Du (phường Phùng Chí Kiên)	2491/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	6.509		6.509	
7	Xây dựng tuyến đường từ ĐT.387 đến QL.5 (nút giao trung tâm y tế)	2664/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	22.388		22.388	
8	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ nút giao trung tâm y tế (QL5) đến đường vào tổ dân phố Long Đăng	10295/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	12.179		12.179	
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phùng Chí Kiên	857/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	25.000		25.000	
10	Xây dựng khối nhà làm việc và điều trị bệnh nhân truyền nhiễm trung tâm y tế thị xã Mỹ Hào	4074/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	25.000		25.000	
Xã 14	Xã Lạc Đạo		141.145	-	141.145	
	Dự án hoàn thành		-		-	
1	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.385 đoạn từ (Km 3+150 đến km 7+750)	2755/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	15.669		15.669	
2	Công trình Nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế huyện Văn Lâm	718/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	14.902		14.902	
3	Công trình Xây dựng đường gom KCN phía nam đường Sắt từ Như Quỳnh đến Lương Tài (Phân kỳ giai đoạn 1 đoạn từ TT Như Quỳnh đến ĐT.380)	956/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	9.574		9.574	
4	Công trình Xây dựng Cầu Đâu trên ĐH.19 và cải tạo, nâng cấp ĐH.19 đoạn từ cầu Đâu đến nhà văn hoá thôn cầu	3694/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	1.000		1.000	
5	Công trình Cải tạo, nâng cấp ĐH.19 xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	3871/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	100.000		100.000	
Xã 15	Phường Thượng Hồng		95.457	-	95.457	
a	Dự án hoàn thành		-		-	
1	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Minh Đức	10163/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	1.000		1.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
2	DA Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại Dương Hoà và Thịnh Vạn phường Minh Đức (vị trí số 02)	2709/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	4.380		4.380	
3	Phân khu B1: Khu hành chính - đô thị trung tâm	2021/QĐ-UBND ngày 17/4/2021	3.127		3.127	
b	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Đường từ QL.5 đến Trục trung tâm GD2 (Phong Cốc, Minh Đức - Mão Chinh, Dương Quang)	4903/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4579/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	22.271		22.271	
2	Đường từ ĐH.32 đến đường Quy hoạch đô thị nối QL5 với trục Trung tâm giai đoạn 2	436/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	2.000		2.000	
3	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng CSHT tại tổ dân phố Sài Phi Minh Đức	10451/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1482/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	33.916		33.916	
4	Xây dựng tuyến đường từ đường trục Bạch Sam đến đường nối ĐT.387 đi trung tâm Y tế thị xã Mỹ Hào	4280/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	5.000		5.000	
5	Phân khu B2: Khu hành chính - đô thị Minh Đức	858/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	1.763		1.763	
6	Đường hoạch trục trung tâm phía Bắc khu CN Minh Quang, từ đường trục Bạch Sam đến đường Lê Quang Hòa (ĐH.32)	1017/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	15.000		15.000	
7	Cải tạo, nâng cấp ĐH.31 (đường trục xã Hòa Phong từ ĐH.30 đến QL.5)	3684/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	7.000		7.000	
Xã 16	Xã KHOÁI CHÂU		834.851	-	834.851	
a	Dự án hoàn thành		-		-	
1	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhà khách, nhà ăn Trụ sở UBND huyện	5429/QĐ - UBND ngày 23/10/2023	284		284	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Hạt giao thông và Môi trường huyện Khoái Châu	5130/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	90		90	
3	Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ (mạng lan) và hệ thống Wifi tập trung của 25 xã, thị trấn phục vụ công tác chuyển đổi số	5269/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	73		73	
4	Đầu tư hệ thống Đài truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT trên địa bàn huyện Khoái Châu	5269/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	145		145	
5	Xây dựng đường điện chiếu sáng trên ĐT.384 huyện Khoái Châu (đoạn từ ngã tư Bô Thời đến ngã tư Cầu Khé)	4029/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	200		200	
6	Cầu bắc qua sông Từ Hồ - Sài Thị nối ĐH.58 với ĐT.377 xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu	8215/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	3.000		3.000	
b	Dự án chuyển tiếp		-		-	
1	Xây dựng tuyến đường ĐT.377 mới đoạn tuyến nối ĐT.383 đoạn từ TTKC - xã Phùng Hưng) huyện Khoái Châu	2460/QĐ - UBND ngày 26/4/2023	4.781		4.781	
2	Cải tạo nâng cấp Đường Nguyễn Kỳ (đoạn từ ĐT.377 đến khu đấu giá TTKC)	1766/QĐ - UBND ngày 20/2/2025	290		290	
3	Cải tạo mở rộng Đường Quy hoạch đô thị (đoạn từ trường THCS Nguyễn Thiện Thuật - Kênh Đông)	2171/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	3.000		3.000	
4	Xây dựng đường Kênh Đông, huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57 đến ĐT.384	2389/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	49.000		49.000	
5	Cải tạo nâng cấp Đường nối từ ĐT.377 (xã Phùng Hưng) đến trung tâm xã Bình Kiều.	2610/QĐ ngày 15/4/2025; 120/QĐ ngày 22/4/2025	753		753	
6	Xây dựng Nhà văn hóa trung tâm huyện Khoái Châu	4988/QĐ ngày 26/9/2023	79.000		79.000	
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT.383 đoạn từ ngã tư giao ĐT.379 đến ĐT.378	QĐ 5028/QĐ ngày 27/6/2025	250.000		250.000	
8	Cải tạo nâng cấp ĐT.384 đoạn từ ĐT.377 đến đường Kết nối di sản, huyện Khoái Châu	3707/QĐ - UBND ngày 13/6/2025	200.000		200.000	
10	Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới, đoạn từ điểm giao với ĐT.377B đến điểm giao với ĐT.383 (khoảng Km11+200 đến Km13+800)	1451/QĐ-QBND ngày 24/6/2025	200.000		200.000	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá quyền SDD cho ND làm nhà ở	4958/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	28.303		28.303	
12	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới xã Đông Kết để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở	5973/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.932		3.932	
13	Cải tạo, sửa chữa phòng mổ, phòng máy chạy thận nhân tạo-Mua sắm trang thiết bị phòng mổ, máy chạy thận nhân tạo và một số trang thiết bị cần thiết khác Trung tâm y tế huyện Khoái Châu	4633/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	12.000		12.000	

2025

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
Xã 17	XÃ NGHĨA TRỤ		180.502	-	180.502	
a	Dự án hoàn thành		-		-	
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.20 đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.22, huyện Văn Giang	2475/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	75		75	
2	Chỉnh trang cảnh quan khu vực ngã ba giao giữa ĐT.379B và đường Phó Đức Chính, thôn Như Lân, xã Long Hưng, huyện Văn Giang	5015/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	21		21	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026		-		-	
1	Đường dọc máng kênh Tây từ trạm bơm Văn Giang đến ĐH. 26	2264/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	100.000		100.000	
2	Các công trình chỉnh trang nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã	5137/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	60		60	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	12766/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	60.000		60.000	
4	Đường vào khu tái định cư thôn Vĩnh An, xã Vĩnh Khúc	5341/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	20.000		20.000	
5	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu thôn Lương, xã Vĩnh Khúc	876/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	346		346	
			241.806	-	241.806	
Xã 18	XÃ NHƯ QUỲNH					
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026					
1	Cải tạo, nâng cấp nút giao giữa ĐH.18 và QL.5 tại Km13+500	603/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	9.306		9.306	
2	Đầu tư xây dựng đường trục trung tâm huyện Văn Lâm	1565/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	200.000		200.000	
3	Xây dựng HTKT khu dân cư mới và phục vụ khu tái định cư GPMB thực hiện dự án đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội trên địa bàn xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	4675/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	12.000		12.000	
4	Đường nối từ ĐH.18 (đoạn từ UBND xã Tân Quang) đến ĐH.10, huyện Văn Lâm	519/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	10.000		10.000	
5	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên, huyện Văn Lâm	1564/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	500		500	
6	Xây dựng ĐH.15 (đoạn từ Công ty Acecook đến cụm công nghiệp Minh Khai)	2758/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000		10.000	
			122.289		122.289	
Xã 19	QUANG HƯNG					
	Dự án hoàn thành					
1	Hạ tầng khu dân cư số 09 xã Tống Phan	741/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	48.145		48.145	
2	Xây dựng khu tái định cư số 8 phục vụ GPMB dự án đường nối từ QL38B với đường nối khu di tích Voi đá Ngựa đá và khu dân cư số 5 huyện Phù Cừ và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thị trấn Trần Cao, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	740/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	74.144		74.144	
			14.000		14.000	
Xã 20	PHẠM NGŨ LÃO					
	Dự án chuyển tiếp					
1	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Kê Sắt huyện Ân Thi (đoạn kết nối QL.38 tại xã Phù Ủng đến ĐT.382B tại xã Bãi Sậy)	2337/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	14.000		14.000	
			9.334		9.334	
Xã 21	HỒNG QUANG					
	Dự án hoàn thành					
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	2119/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	9.334		9.334	
			245.692		245.692	
Xã 22	ĐOÀN ĐÀO					
a	Dự án hoàn thành					
1	Xây dựng tuyến đường ra khu xử lý rác thải xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	2235/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	263		263	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào	3977/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	388		388	
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.86 đoạn từ Km 1+100 đến Km 2+67 (Từ cầu Mãn đến hết thôn Phú Mãn)	3902/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	1.295		1.295	
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026					
1	Đường nối từ QL38B với đường đến khu di tích Voi đá Ngựa đá và khu dân cư số 5 huyện Phù Cừ	1177/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	18.326		18.326	
2	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ (GĐ 2: Xây dựng các hạng mục còn lại)	4098/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	15.219		15.219	
3	Xây dựng mới hệ thống phòng học, phòng chức năng- trường Tiểu học Đoàn Đào	3896/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.039		1.039	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
4	Xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ để phục vụ dự án đường Tân Phúc - Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	1357/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	103.443		103.443	
5	Hạ tầng khu dân cư số 07 xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ	1048/QĐ-UBND ngày 05/3/2023	105.719		105.719	
XÃ 24	TÂN HƯNG		39.342		39.342	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	3679/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	9.342		9.342	
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên xã Hồng Nam - Phương Chiểu - Liên Phương, thành phố Hưng Yên (đoạn từ ĐT378 đến QL39 xã Liên Phương)	1516/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	30.000		30.000	
XÃ 25	PHỔ HIỂN		502.447		502.447	
a	Dự án hoàn thành					
1	Khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường An Tảo (phía Bắc Trường Tiểu học An Tảo)	2965/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.500		1.500	
2	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	1.500		1.500	
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên (đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiện Thuật đến Dốc Đá)	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.500		3.500	
4	Cải tạo vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hồ đến đường Triệu Quang Phục)	2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.000		1.000	
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trong khu di tích đền Trần, đền Mẫu (Bãi Sậy, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão) thành phố Hưng Yên	3484/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	2.018		2.018	
6	Khu dân cư mới xã Liên Phương (phía Nam đường trục Bắc Nam Khu Đại học Phổ Hiển)	1352/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	4.000		4.000	
7	Xây dựng đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.000		2.000	
8	Nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	2.000		2.000	
9	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyên Chợ Gạo đến vòng xuyên ngân hàng Công Thương)	2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	3.000		3.000	
b	Dự án chuyển tiếp					
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa	369/QĐ-UBND ngày 23/04/2025	504		504	
2	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Nguyễn Huệ và Trường Mầm non Phổ Hiển	1708/QĐ-UBND ngày 31/4/2024	1.378		1.378	
3	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Minh Khai	1709/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	706		706	
4	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường THCS Lê Lợi	1707/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	690		690	
5	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	6.000		6.000	
6	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.000		9.000	
7	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trục ra QL.39)	5443/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	15.000		15.000	
8	Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Tĩnh Linh, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (Giai đoạn 2)	Số 3477/QĐ-UBND ngày 12/12/2023;	15.000		15.000	
9	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Bình Khiêm và đường Hiến Doanh, thành phố Hưng Yên	1100/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.318		1.318	
10	Đường giao thông An Tảo - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	20.000		20.000	
11	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (Đoạn từ sông Đổng lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	20.000		20.000	
12	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	14.000		14.000	
13	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phổ Hiển	2718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023				
14	Đường quy hoạch mới xã Trung Nghĩa (đoạn từ KDC mới thôn Tĩnh Linh hướng đi xã Bảo Khê)	104/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	13.333		13.333	

Handwritten signature

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
15	Xây dựng Cầu Chùa Điều	353/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	15.000		15.000	
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phường An Tào, thành phố Hưng Yên	471/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	30.000		30.000	
17	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	2699/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	100.000		100.000	
18	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Tào - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	5442/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024	20.000		20.000	
19	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Đông sông Điện Biên (đoạn từ cầu Mạc Đình Chi đến cầu An Tào)	1081/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	10.000		10.000	
c	Dự án khởi công mới					
1	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông sông Hòa Bình)	3026/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	50.000		50.000	
2	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông Nam ngã tư cuối đường trục thôn Tinh Linh)	1749/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	40.000		40.000	
3	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (9,8ha)	3250/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	60.000		60.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường ven đê tả sông Hồng (đoạn từ cầu Yên Lệnh đến hồ Bán Nguyệt)	1591/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	40.000		40.000	
XÃ 26	SƠN NAM		50.694		50.694	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	694		694	
2	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài	1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	50.000		50.000	
XÃ 27	HỒNG CHÂU		17.038		17.038	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến đường Công binh)	1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	5.640		5.640	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quảng Châu (tuyến 1: Từ đường Dương Hữu Miên cạnh nhà ông Cường Hạ đến giáp thôn Nam Tiến, phường Hồng Châu; tuyến 2: từ đóc đê đến hết đường trong chợ Dầu)	4033/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	6.667		6.667	
3	Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hanh	3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	4.731		4.731	
XÃ 28	XUÂN TRÚC		100.413		100.413	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384)	1602/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	22.413		22.413	
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi (nay là xã Xuân Trú)	696/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	78.000		78.000	
XÃ 29	ÂN THI		258.117		258.117	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Xây dựng nhà làm việc đội điều tra, hội trường, để xe và hạng mục phụ trợ Công an huyện Ân Thi	777/QĐ-CAT-PH10 ngày 05/12/2024	5.000		5.000	
2	Xây dựng đường QH.05 (đoạn từ điểm giao với đường Tân Phúc - Vông Phan đến ĐT.376 cũ huyện Ân Thi)	1492/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	197.141		197.141	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	3330/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	13.580		13.580	
4	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Tân Phúc, huyện Ân Thi	5528/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	10.137		10.137	
5	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc - Vông Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên và đấu giá quyền SDD cho nhân dân làm nhà ở tại xã Tân Phúc, huyện Ân Thi	2945/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	15.692		15.692	
6	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường Tân Phúc - Vông Phan (giao ĐT.378), tỉnh HY và đấu giá QSDĐ cho nhân dân làm nhà ở tại xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	2943/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	16.567		16.567	
XÃ 30	NGUYỄN TRÁI		113.420		113.420	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026					
1	Đường quy hoạch mới số 04 (điểm đầu giao với ĐT.376 cũ, điểm cuối giao ĐH.65)	2713/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	9.606		9.606	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
2	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ QL.38 cũ đến đường QH.04, huyện Ân Thi)	471/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	26.573		26.573	
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.60 huyện Ân Thi, đoạn từ Km0+500 đến Km3+500	333/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	2.015		2.015	
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.65 (đoạn từ giao ĐT.386 đến giao ĐT.376 mới)	335/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	2.097		2.097	
5	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61, huyện Ân Thi (Đoạn từ Km7+277 đến Km11+500)	3686/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	4.000		4.000	
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Văn Nhuệ, huyện Ân Thi	4404/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	4.271		4.271	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án xây dựng đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376 và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi	2944/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	18.858		18.858	
8	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ giao đường QH.04 đến đường ĐH.60 kéo dài) và đoạn kết nối ra ĐT.376 cũ, huyện Ân Thi	22/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	46.000		46.000	
Xã 31	TIÊN TIẾN		145.322		145.322	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.80 đoạn từ giao ĐH.64 (Km0+210) đến nút giao đường tránh QL38B (Km3+910)	3685/QĐ-UBND ngày 23/11/2022; 2920/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	7.500		7.500	
2	Cải tạo, nâng cấp ĐH.88 huyện Phù Cừ đoạn từ công trường Chính trị huyện đến giao với ĐH.64 (công Cháy)	4427/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	78.068		78.068	
3	Xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Đình Cao, huyện Phù Cừ để phục vụ dự án đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên	890/QĐ-UBND ngày 05/2/2024	59.754		59.754	
Xã 32	TỔNG TRẦN		92.091		92.091	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	45/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	46.369		46.369	
2	Cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Sậy, La Tiến đoạn từ ĐH.64 (cầu Chéo) đến ĐT.387 (Trạm bơm La Tiến), huyện Phù Cừ	986/QĐ-UBND ngày 19/5/2020	2.724		2.724	
3	Xây dựng đường từ ĐT.386 (khu dân cư mới xã Tam Đa) đến giao với ĐH.64 (trường THCS xã Tam Đa)	3830/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	2.998		2.998	
4	Đường nối từ ĐT.386 đến ĐH.64 và tuyến nối với đường ĐT.378 qua địa phận xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ	801/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	40.000		40.000	
Xã 33	HIỆP CƯỜNG		106.711		106.711	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM tại xã Hùng An (huyện làm chủ đầu tư)	1384/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	106.711		106.711	
Xã 34	LÊ QUÝ ĐÔN		4.973	3.534	1.439	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giai đoạn 2 (Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại theo quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà)	2717/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	1439		1439	
2	Đường vào khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, từ đường tỉnh 454, đường tỉnh 453 vào khu lưu niệm	2968/QĐ-UBND ngày 20/10/2016; 702/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	3.534	3.534		
Xã 35	PHƯỜNG THÁI BÌNH		13.997	11.939	2.058	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm thành phố Thái Bình tại phường Lê Hồng Phong và phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình	1585/QĐ-UBND ngày 21/7/2024; 946/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	10.000	10.000		
2	Củng cố, nâng cấp đê, kè và đường cứu hộ, cứu nạn đê Hữu Trà Lý, từ K21+178 đến K31+200 thành phố Thái Bình	557/QĐ-UBND ngày 27/3/2014	1.939	1.939		
3	Đường cứu hộ cứu nạn qua xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, đoạn từ đường tỉnh 454 (đường 223 cũ) đến đê sông Trà Lý	483/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	2.058		2.058	
Xã 36	PHƯỜNG TRẦN LÂM		49.800	19.800	30.000	
	Dự án chuyển tiếp					

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành	Kế hoạch vốn năm 2026			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTT	Thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đường Vành đai phía Nam, giai đoạn II, công trình: Cầu vượt sông Trà Lý	2691/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	2.212	2.212		
2	Đường Vành đai phía Nam (nút giao đường Hoàng Văn Thái đến nút giao xã Vũ Đông)	1349/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	11.000	11.000		
3	Đường vành đai phía Nam (đoạn từ phố Hoàng Văn Thái đến phố Chu Văn An)	409/QĐ-UBND ngày 14/02/2015	4.209	4.209		
4	Đường tỉnh 464 đoạn qua địa phận xã Tây Sơn và đoạn qua địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương	2162/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	30.000		30.000	
5	Đường Vành đai phía Nam (từ nút giao xã Vũ Đông đến nút giao quốc lộ 10 xã Đông Mỹ)	135/QĐ-UBND ngày 14/1/2016	2.379	2.379		
Xã 37	ĐÔNG CHÂU		56.174	-	56.174	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.464 đoạn từ nút giao đường ven biển đến đường ĐT.465; đoạn tuyến nhánh từ nút giao với đường ĐH.34 đến trường THPT Đông Tiền Hải, huyện Tiền Hải	2270/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	56.174		56.174	
Xã 38	HƯNG HÀ		115	115	-	
	Dự án hoàn thành					
1	Xử lý cấp bách kè Nhâm Lang đoạn từ K9+100 đến K10+200 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	1686/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	67	67		
2	Kè chống sạt lở đê bồi Lưu Xá, xã Canh Tân đoạn từ K3+250 đến K3+700 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà	1839/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	48	48		
Xã 39	KIẾN XƯƠNG		100.000	-	100.000	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang đoạn từ xã Vũ Quý đến thị trấn Kiến Xương huyện Kiến Xương	718/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	100.000		100.000	
Xã 40	BẮC THỤY ANH		12.600	-	12.600	
	Dự án chuyển tiếp					
1	Đầu tư xây dựng kè bảo vệ đê phía sông, đoạn từ K0+350 đến K0+750 và đắp tôn cao, hoàn thiện mặt cắt đê từ K0+400 đến K2+000, đê cửa sông Hữu Hóa thuộc địa phận xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy	2081/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	12.600		12.600	
Xã 41	VŨ PHÚC		152.000	-	152.000	
	Dự án khởi công mới					
1	Kè chống sạt lở và cứng hóa mái bờ sông Kiến Giang đoạn qua thành phố Thái Bình (từ cầu Phúc Khánh đến XN gạch, ngói xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư)	2273/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	152.000		152.000	

Phụ lục số 04a

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HUNG YÊN
(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Công trình/ dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2026	Ghi chú (Xã, phường sau sắp xếp, sáp nhập)
1	2	3	4	5
TỔNG SỐ			764.402	
Công trình/dự án theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh			764.402	
I	THÀNH PHỐ HUNG YÊN (Cũ)		112.127	
1	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Tân Hưng (hạng mục: Nhà lớp học lý thuyết, nhà Hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ thuộc Khối THCS)	3261/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	29.548	Tân Hưng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT các thôn Viên Tiêu, thôn Trần Phú, xã Tân Hưng	1592/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.979	Tân Hưng
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng (Tuyến 1: Từ nhà ông Đồng đến nhà ông Sáng; Tuyến 2: Từ nhà ông Khuê đến ngõ bác Sa; Tuyến 3: Từ nhà ông Tầm đến nhà ông Đức)	1614/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	7.100	Tân Hưng
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Khoái đến Trung Thủy Nông)	1615/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	19.200	Sơn Nam
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông xã Phương Nam (Điểm đầu xóm Hòa Bình giáp đường ĐH.72 đến điểm cuối đình Nễ Châu)	2019/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	15.400	Tân Hưng
6	Nhà luyện tập đa năng Trường THCS Bảo Khê	179/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	5.400	Sơn Nam
7	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng khối tiểu học Trường Tiểu học & THCS xã Phú Cường	183/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	6.000	Sơn Nam
8	Xây dựng Nhà luyện tập đa năng khối THCS Trường Tiểu học & THCS xã Phú Cường và một số hạng mục phụ trợ	182/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	4.500	Sơn Nam
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (Tuyến 1: Từ cổng làng văn hóa thôn Doanh Châu đến chùa Linh Huệ; Tuyến 2: Từ chùa Linh Huệ đến chùa Phúc Lâm; Tuyến 3: Từ nhà ông Khánh đến nhà bà Lanh thôn Tân Trung)	1613/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	16.000	Sơn Nam
10	Xây dựng đường GTNT xã Quảng Châu (Điểm đầu tiếp giáp đường vào lò gạch thôn 1 đi đến trụ sở công An xã điểm cuối tiếp giáp với đường vào lò gạch thôn 2)	3032/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	5.000	Hồng Châu
II	HUYỆN TIÊN LŨ (Cũ)		34.500	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (Đoạn 1: Từ nhà ông Hào Định đến cầu chợ Diềm; Đoạn 2: Từ nhà ông Khá đến đồng Bún; Đoạn 3: Từ ĐH.80 đến nhà ông Tám thôn Diềm Đông; Đoạn 4: Từ đường ĐH.92 đến đền Quan)	2155/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.000	Tiên Hoa
2	Xây dựng cầu Đình Làng thôn Mai Xá, xã Cương Chính	2156/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Giai Lệ, xã Lệ Xá (đoạn từ ĐH.82 đến khu chăn nuôi tập trung)	2159/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phí Xá, xã Lệ Xá (Đoạn từ Trạm bơm Lạc Dục đi Cổng điều tiết T125)	2160/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
5	Xây dựng cầu ông Thủy, thôn Phù Liễu, xã Lệ Xá	2161/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Hoa
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ đốc Lê Chi đến chợ Xuôi)	2162/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	3.000	Tiên Lữ
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thụy Lôi (đoạn từ ngã ba ông Ban đi đường bồi và nhà văn hóa thôn Thụy Dương)	2163/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.000	Tiên Lữ
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lạc Dục, xã Hải Thắng (Tuyến 1: từ nhà ông Xuyên đến nhà ông Tiểu; Tuyến 2: Từ cầu Lạc Dục đi ĐH.90)	2165/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.500	Tiên Lữ
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tân Khai, xã Thiện Phiến (đoạn từ HTX nuôi trồng thủy sản đến giao với QL.39 tại khoảng Km40+107)	2169/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	10.000	Tiên Lữ

TT	Công trình/ dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2026	Ghi chú (Xã, phường sau sắp xếp, sáp nhập)
1	2	3	4	5
III	HUYỆN PHÙ CỬ (Cũ)		30.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nghĩa Vũ, xã Minh Tân (Từ trạm bơm Nghĩa An đến ruộng ông Đoàn)	1444/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	8.000	Quang Hưng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (đoạn từ nhà ông Mạnh đến nhà ông Công, xóm 2 thôn Võng Phan)	1450/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Tống Trân
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (Tuyến 1: từ nhà ông Thuần đi nhà ông Miến thôn Long Cầu; Tuyến 2: từ QL.38B đi nhà ông Lưu thôn Đoàn Đào)	1443/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Đoàn Đào
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hoàng (Tuyến 1: từ đường ĐH.86 giáp nhà ông Nguyễn đến ĐH.82 giáp nhà ông Thế thôn Quế Ái; Tuyến 2: từ nhà ông Chiến đến đường ĐH.86)	1451/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	11.000	Đoàn Đào
5	Nhà lớp học 9 phòng, Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ - Trường Tiểu học và THCS Minh Hoàng	1550/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	7.000	Đoàn Đào
IV	HUYỆN ÂN THI (Cũ)		115.540	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đào Dương (đoạn qua thôn Phần Dương)	2732/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Phạm Ngũ Lão
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Vũ Dương, xã Hồng Quang	2726/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	2.000	Hồng Quang
3	Xây dựng Trường Mầm non Trung tâm xã Hoàng Hoa Thám	1850/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	22.500	Ân Thi
4	Xây dựng cầu Lưu Xá và cải tạo, nâng cấp đường đầu cầu, xã Hồ Tùng Mậu	3390/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	5.500	Hồng Quang
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồ Tùng Mậu (đoạn của các thôn Mão Cầu, thôn Mão Đông, thôn Lưu Xá, thôn Gạo Nam và thôn Gạo Bắc)	2728b/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	19.500	Hồng Quang
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (đoạn từ nhà ông Đù giáp ĐT.384 đến nhà ông Toán giáp ĐT.382)	2733a/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	20.000	Phạm Ngũ Lão
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (Đoạn 1: Từ nhà ông Cường đến nhà bà Mỡ, thôn Bên Sông; Đoạn 2: Từ đường trục xã đến đường ĐH.61, thôn An Đỗ)	2734b/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	12.000	Phạm Ngũ Lão
8	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc	2914b/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	3.000	Nguyễn Trãi
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bãi Sậy (Đoạn từ nhà ông Hạnh ấp 12 đến chùa Tiên Kiều)	2733a/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	6.000	Phạm Ngũ Lão
10	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ của Trường THCS Quảng Lăng	2913b/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	1.000	Xuân Trúc
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng (đoạn của các thôn La Mát, thôn Đông Mái, thôn Kim Lũ, thôn Hồng Lương và thôn La Sung)	2729/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	9.550	Phạm Ngũ Lão
12	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bình Xá, thôn Yên Xá và thôn Lã Xá, xã Cẩm Ninh	2728/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	12.490	Nguyễn Trãi
V	HUYỆN KIM ĐỘNG (Cũ)		64.200	
1	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Vĩnh Tiền; xây dựng các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Thanh Sầm và thôn Công Luận	242/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	2.000	Nghĩa Dân
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ ĐH.74 đến ĐH.73)	1264/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	15.500	Nghĩa Dân
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (đoạn từ Trạm bơm thôn Mai Xá đến nhà ông Doanh thôn Mai Viên)	194/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	6.700	Hiệp Cường
4	Xây dựng cầu Thanh Xuân, xã Song Mai	237/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	5.000	Hiệp Cường
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Phương Tông, xã Hùng An (đoạn từ ĐH.73 đến đường gom bê tông chân đê ĐT.378)	282/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	3.000	Hiệp Cường
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hùng An (Tuyến 1, từ nhà Anh Kiên thôn Lai Hạ đến ĐH.73 thuộc địa phận thôn Phương Tông; Tuyến 2, từ nhà bà Tĩnh đến nhà ông Tạo thôn Ninh Phúc)	280/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	3.000	Hiệp Cường

TT	Công trình/ dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2026	Ghi chú (Xã, phường sau sắp xếp, sáp nhập)
1	2	3	4	5
7	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Chính Nghĩa	1263/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	19.000	Lương Bằng
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT của thôn Tạ Hạ và thôn Dương Phú, xã Chính Nghĩa	1260/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	10.000	Lương Bằng
VI	HUYỆN KHOÁI CHÂU (Cũ)		93.500	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Đông Ninh	3326/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	6.500	Châu Ninh
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Đại Tập	3327/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	8.500	Châu Ninh
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Tập (đoạn 1: từ nhà ông Thạch đến ĐH.51; đoạn 2: từ nhà ông Quang đến ĐH.55)	4031/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	8.500	Châu Ninh
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phạm Hồng Thái (đoạn 1: từ Trụ sở công an xã đến nghĩa trang; đoạn 2: từ công Bà Đáng đến nương Ông Hà)	659/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.000	Triệu Việt Vương
5	Xây dựng nhà văn hoá và các hạng mục phụ trợ thôn Hàm Tử, xã Phạm Hồng Thái	684/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	2.500	Triệu Việt Vương
6	Nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Dạ Trạch, xã Phạm Hồng Thái	685/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	5.000	Triệu Việt Vương
7	Nhà lớp học 3 tầng khối Tiểu học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Chí Tân	324/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	2.000	Chí Minh
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, thoát nước thôn An Lạc, xã Đồng Tiến (cầu nhà Văn Diệu đến nhà Hương Hiếu)	252a/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	2.000	Việt Tiến
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Châu (đoạn 1 từ nhà văn hoá Mãn Hoà đến nhà ông Hà; đoạn 2 từ nhà ông Sỹ Bảng đến đường ĐH.52)	3432/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	8.000	Châu Ninh
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Châu (Đoạn 1: từ nhà Thủy Kiên đến nhà ông Hường; Đoạn 2: từ nhà ông Huỳnh đến nhà ông Thắng; Đoạn 3: từ nhà ông Thả đến nhà ông Lanh)	3431/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	5.000	Châu Ninh
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bình Minh (Đoạn 1, từ nhà ông Nga Mến đến dốc Bà Túc; Đoạn 2, từ nhà ông Quảng lên đường ĐT.378; Đoạn 3, từ nhà ông Hòa thôn Đa Hòa đến cầu xóm 6)	101a/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	10.000	Mễ Sở
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Bình Minh (Đoạn 1, từ dốc Phan đến dốc Thiết; Đoạn 2, từ đường ĐT.382 đến nhà ông Viên thôn Đa Hòa và các đoạn nhánh)	101b/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	15.000	Mễ Sở
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (đoạn từ ngã tư đầu làng thôn Trung Châu đi đường trục xóm 12), xã Đông Kết	364/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.000	Khoái Châu
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn 1: từ Cầu máng kênh Đông thôn Kim Quan đến giáp xã Việt Hòa; đoạn 2: từ công làng thôn Ngọc Nha Thượng đến Ngõ Thỏ)	402/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	5.000	Khoái Châu
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Nguyễn Huệ (đoạn từ Sân bóng thôn Quan Xuyên đi xã Thuần Hưng)	204/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	1.500	Chí Minh
16	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Liên Khê	204/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	4.500	Khoái Châu
17	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Liên Khê	205/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	4.500	Khoái Châu
VII	HUYỆN YÊN MỸ (Cũ)		91.440	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Tân Minh (đoạn từ ĐT.382 đến xóm Chùa, xóm Đạo thôn Từ Dương, xã Tân Minh)	2363/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	7.000	Yên Mỹ
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoan Ái, xã Tân Minh	1290/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	16.500	Yên Mỹ
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thanh Long (tuyến thôn Thụy Lân và thôn Long Vỹ)	1481/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	20.000	Việt Yên
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Xuân Tảo, xã Trung Hòa (Đoạn 1: từ nhà ông Đăng đến nhà ông Hoạt và Đoạn 2: từ nhà bà Xoa đến nhà ông Cam)	2409/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	3.000	Yên Mỹ
5	Cải tạo Nhà văn hóa và hạng mục phụ trợ thôn Ngọc Tinh, xã Ngọc Long	952/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	7.000	Nguyễn Văn Linh
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hào, xã Liêu Xá (từ ĐT.380 ra QL.39A và ĐH.34)	953/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	8.940	Nguyễn Văn Linh
7	Xây dựng đường GTNT xã Liêu Xá (Đường quanh hồ thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá)	955/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	22.000	Nguyễn Văn Linh
8	Xây dựng Nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Liêu Xá (Điểm trường thôn Hào, thôn Liêu Thượng)	954/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	7.000	Nguyễn Văn Linh
VIII	THỊ XÃ MỸ HÀO (Cũ)		96.095	

TT	Công trình/ dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn NS tỉnh năm 2026	Ghi chú (Xã, phường sau sắp xếp, sáp nhập)
1	2	3	4	5
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và kè hồ Vân Dương, thôn Vân Dương, xã Hòa Phong, thị xã Mỹ Hào	1630/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	17.200	Thượng Hồng
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hòa Đàm, Hòa Lạc và Thuận Mỹ, xã Hòa Phong	1610/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	15.000	Thượng Hồng
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Xuân Bàn và Xuân Nhân, xã Xuân Dục	177/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	23.895	Đường Hào
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn thôn Xuân Đào, xã Xuân Dục	178/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	22.000	Đường Hào
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (tuyến 1 từ cầu Mương đến cầu Sông, tuyến 2 từ nhà văn hóa thôn Tiên Xá 1 đến đường trục xã)	1609/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	18.000	Mỹ Hào
IX	HUYỆN VĂN LÂM (Cũ)		82.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Đoan Khê, xã Lạc Đạo	174/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	6.500	Lạc Đạo
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Bình Minh, thôn Quang Trung và thôn Hồng Cầu, xã Lạc Hồng	305A/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	5.000	Như Quỳnh
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phạm Kham, Hồng Thái và Nhạc Miếu, xã Lạc Hồng	366/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	6.800	Như Quỳnh
4	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lạc Hồng, xã Lạc Hồng	320A/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	2.000	Như Quỳnh
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ công ty Châu Hưng đến cầu Ngọc Lịch, xã Trung Trác	243/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	6.500	Như Quỳnh
6	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường (Tuyến số 1: từ ngã tư nhà ông Tứ đến ĐH.10 thôn Nhạc Lịch; Tuyến số 2: từ nhà ông bà Quý Yên đến nhà ông Trần và tuyến số 03: từ đường từ ĐH.10 đến QL5A, thôn Trai Túc), xã Trung Trác	244/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.700	Như Quỳnh
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Chi Đạo (đoạn từ thôn Trịnh Xá đến thôn Cát Lư)	180/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	2.000	Lạc Đạo
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng (đoạn từ cổng làng đến tiếp giáp xã Lương Tài và một số tuyến đường nhánh)	887/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	12.000	Đại Đồng
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đồng Chung, xã Việt Hưng (đoạn từ ĐH.16 đến nhà anh Duẩn và một số đường nhánh)	886/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	16.000	Đại Đồng
10	Nhà văn hóa thôn Xuân Phao (Xuân Đông), xã Đại Đồng	140/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	5.000	Đại Đồng
11	Xây dựng Nhà làm việc Trạm y tế xã Đại Đồng	84/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	3.000	Đại Đồng
12	Nhà lớp học 4 tầng 24 phòng học Trường THCS Đại Đồng	83/QĐ-UBND ngày 15/9/2025	14.500	Đại Đồng
X	HUYỆN VĂN GIANG (cũ)		45.000	
1	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Phú Thị, Đồng Quê, xã Mễ Sở	1901/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	20.000	Mễ Sở
2	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Hoàng Trạch, Mễ Sở, Nhận Tháp, xã Mễ Sở	1902/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	20.000	Mễ Sở
3	Cải tạo đường GTNT và hệ thống chiếu sáng thôn Phú Trạch, xã Mễ Sở	1903/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	5.000	Mễ Sở

Ghi chú: Giao chủ đầu tư (UBND cấp xã sau khi sắp xếp, sáp nhập hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã tiếp tục làm chủ đầu tư) chịu trách nhiệm triển khai đầu tư xây dựng công trình/dự án; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành; các sở, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai thực hiện (nếu có vướng mắc phát sinh).

Phụ lục số 04b

**DỰ KIẾN HỖ TRỢ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẤP HUYỆN (CŨ) CHUYỂN VỀ CẤP XÃ QUẢN LÝ (ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH CŨ)
TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
	TỔNG SỐ		2.901.369	
I	THÀNH PHỐ THÁI BÌNH		350.939	
1	Đường đến trung tâm xã Vũ Đông (từ đường Trần Lâm qua thôn Tam Lạc xã Vũ Lạc đến xã Vũ Đông), thành phố Thái Bình	5002/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	8.706	UBND Phường Trần Lâm
2	Đường Nguyễn Tông Quai (đoạn từ đường Lý Bôn đến đường quy hoạch số 1), phường Trần Lâm, thành phố Thái Bình	5055/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	23.355	UBND Phường Trần Lâm
3	Đường QH số 2 thuộc QH Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình	4051/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5.615	UBND Phường Trần Hưng Đạo
4	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Thái Bình	4641/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	2.150	UBND Phường Thái Bình
5	Đường Trần Phú kéo dài (đoạn qua khu dân cư thôn Đại Lai xã Phú Xuân), thành phố Thái Bình	380/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	85.000	UBND Phường Trần Hưng Đạo
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trung Nghĩa xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình	53/QĐ-UBND ngày 15/1/2025	60.000	UBND Phường Trà Lý
7	Đường Trần Lâm (từ Lý Bôn đến cầu Sam)	3951/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	83.000	UBND Phường Trần Lâm
8	HTKT khu dân cư tại khu đất giáp khu TĐC khu công nghiệp TBS Sông Trà, xã Tân Bình, thành phố Thái Bình	983/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	50.000	UBND Phường Thái Bình
9	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Sa Cát, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình	3453/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	15.113	UBND Phường Trà Lý
10	Cầu qua sông Vĩnh Trà nối đường Hoàng Công Chất (Cổng Trắng), thành phố Thái Bình	513/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	6.000	UBND Phường Trần Hưng Đạo
11	Dự án đầu tư xây dựng Cầu qua sông 3-2 (nối đường Kỳ Bá với đường Ngô Quyền)	514/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	12.000	UBND Phường Trần Lâm
II	HUYỆN THÁI THỤY		220.586	
1	Đường ĐH.96 Dương Phúc đi Thụy Duyệt, huyện Thái Thụy (GĐI)	1949/QĐ-UBND, 20/6/2022	5.000	UBND xã Thụy Anh
2	Nâng cấp phố Hoa Diêm và đường vào dự án khu nhà ở thương mại (lô ÔĐT019), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy	2235/QĐ-UBND; 08/8/2024	10.000	UBND Xã Thái Thụy
3	Đường ĐH.93A Thụy Quỳnh - Thụy Bình, huyện Thái Thụy	1587/QĐ-UBND; 05/6/2023	54.841	UBND Xã Thái Thụy
4	Đường ĐH.90A đoạn từ cầu Giành xã Thụy Văn - Bờ hồ xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy	1485/QĐ-UBND; 30/5/2023	952	UBND Xã Thụy Anh
5	Đường ĐH.96 Dương Phúc đi Thụy Duyệt, huyện Thái Thụy (giai đoạn 2)	1949/QĐ-UBND; 20/6/2022	5.251	UBND xã Thụy Anh
6	Hạ tầng khu tái định cư thôn Kim Thành, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy	2326/QĐ-UBND, 29/8/2024	10.675	UBND xã Tây Thái Ninh
7	Đường ĐH.86 Thụy Chính - Thụy Ninh, huyện Thái Thụy	1450/QĐ-UBND; 29/5/2023	5.766	UBND xã Tây Thụy Anh
8	Đường Liên xã Thái Xuyên - Tân Học, huyện Thái Thụy	1941/QĐ-UBND; 01/7/2024	291	UBND xã Đông Thái Ninh
9	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Hòa An đi Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy	3090/QĐ-UBND; 11/11/2024	2.710	UBND xã Thái Ninh
10	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.95A đoạn từ đường tỉnh ĐT.455 đến ngã tư thôn Hóa Tài, xã Thụy Duyệt, huyện Thái Thụy	3131/QĐ-UBND; 13/11/2024	3.700	UBND xã Nam Thụy Anh
11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.90 đoạn từ Quán Đố xã Thụy Hưng đến đường ĐH.86 xã Thụy Ninh huyện Thái Thụy	3831/QĐ-UBND; 31/12/2024	20.270	UBND xã Tây Thụy Anh
12	Hạ tầng điểm dân cư tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên (cũ) thôn Bao Hàm, xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy	3794/QĐ-UBND, 05/10/2018	4.047	UBND Xã Thái Thụy
13	Hạ tầng Khu tái định cư ven QL.37 thị trấn Diêm Điền (lô ÔĐT014A), huyện Thái Thụy	3294/QĐ-UBND, 22/11/2023	13.843	UBND Xã Thái Thụy

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
14	Hạ tầng khu tái định cư thôn Tân Tiến, xã Thái Đô, huyện Thái Thụy	3804/QĐ-UBND, 31/12/2024	8.100	UBND xã Đông Thái Ninh
15	Hạ tầng khu tái định cư thôn Trà Hối, xã Thụy Bình, huyện Thái Thụy	819/QĐ-UBND, 14/3/2025	18.000	UBND Xã Thái Thụy
16	Hạ tầng khu tái định cư thôn Tân Cường, xã An Tân, huyện Thái Thụy	924/QĐ-UBND, 21/3/2025	7.607	UBND xã Đông Thụy Anh
17	Hạ tầng khu tái định cư xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy	923/QĐ-UBND, 21/3/2025	14.966	UBND xã Đông Thụy Anh
18	Cầu Thanh Phần, xã Sơn Hà, thuộc đường ĐH.97, huyện Thái Thụy	1439/QĐ-UBND, 25/5/2023	447	UBND xã Tây Thái Ninh
19	Xây dựng tuyến đường quy hoạch số 5 từ đê sông Diêm Hộ đến đường quy hoạch số 2, huyện Thái Thụy (GĐ1)	4126/QĐ-UBND; 07/10/2021	31.272	UBND Xã Thái Thụy
20	Đường ĐH.95B xã Thụy Phúc - Thụy Hưng	706/QĐ-UBND; 07/4/2022	983	UBND xã Thụy Anh
21	Đường ĐH.90 Thụy Việt – Thụy Ninh	2007/QĐ-UBND; 30/6/2022	1.000	UBND Xã Bắc Thụy Anh
22	ĐH.95 Thụy Phong – Thụy Ninh	2006/QĐ-UBND; 30/6/2022	676	UBND xã Tây Thụy Anh
23	ĐH.93B vào UBND xã Thuận Thành	2885/QĐ-UBND; 26/7/2022	189	UBND xã Nam Thái Ninh
III	HUYỆN QUỲNH PHỤ		112.500	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT.452 qua xã Dân Chủ, Hưng Hà đi xã Quỳnh Châu cũ (xã Châu Sơn hiện nay), Quỳnh Phụ đoạn kết nối từ xã Dân Chủ và xã Châu Sơn	6160/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	3.500	UBND xã Nguyễn Du
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ĐT.396B đi cầu Vĩnh, xã Quỳnh Trang	7954/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	38.000	UBND xã Quỳnh An
3	Thảm tăng cường lớp bê tông nhựa các tuyến đường huyện trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ	8020/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	10.000	UBND xã Phụ Dực
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng xây dựng mô hình cánh đồng không bờ tại xã Châu Sơn, An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ	2370/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	5.000	UBND xã Phụ Dực
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng từ chân cầu Đen xã An Ninh đến giáp thôn Trung Châu Đông xã An Cầu phục vụ liên kết sản xuất nông nghiệp	2826/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	5.000	UBND xã Phụ Dực
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐH.74 đi Hoàng Xá, xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ	8566/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	10.000	UBND xã Nguyễn Du
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ Bến Đò thôn Đại Đồng đến trạm xá Lữ Đoàn 513 và từ nhà văn hóa xã An Khê đến nhà văn hóa thôn Lộng Khê 3, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ	2313/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	14.000	UBND xã A Sào
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đông Xá, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ	2314/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	13.000	UBND xã Quỳnh Phụ
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông trục thôn xã An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ	2391/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.000	UBND xã A Sào
IV	HUYỆN ĐÔNG HƯNG		224.799	
1	Cầu Quán Dô và đường vào Trường THPT Mê Linh, huyện Đông Hưng	5601/QĐ-UBND, 05/9/2024	4.000	UBND xã Bắc Tiên Hưng
2	Xây dựng đường ven sông Thống Nhất (đoạn từ đường gom chân cầu K40 đến BCH quân sự huyện)	5484/QĐ-UBND, 29/8/2024	4.000	UBND xã Đông Hưng
3	Dự án : Dự án xây dựng mới đường từ ĐH.45 đến đường Thái Hà qua xã Phú Lương, An Châu, Đô Lương, huyện Đông Hưng	7240/QĐ-UBND, 20/11/2023	60.000	UBND xã Bắc Tiên Hưng
4	Dự án : Xây dựng tuyến đường kết nối QL 39 đi đến thờ Bác Hồ và lăng Thái Bảo xã Hồng Việt	6486/QĐ-UBND, 22/10/2024	25.000	UBND Xã Tiên Hưng
5	Xây dựng đường kết nối từ đường ĐH.50 đến đường ĐH.51 xã Xuân Quang Động, huyện Đông Hưng	537/QĐ-UBND, 15/8/2025	50.000	UBND xã Nam Đông Hưng
6	Dự án : Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ tuyến đường bộ Thái Bình - Cầu Nghìn (Km17+358) đến kênh Tiên Hưng (cổng K40), xã Hà Giang, huyện Đông Hưng	7944/QĐ-UBND, 17/12/2024	19.499	UBND xã Bắc Đông Quan
7	Dự án : Xây dựng tuyến đường từ đường ĐT.457 (Đường 222 cũ) đến Quốc lộ 39 xã Đông Tân, huyện Đông Hưng	8155/QĐ-UBND, 24/12/2024	40.000	UBND xã Đông Quan
8	Trường THCS Phương Cường Xá, huyện Đông Hưng; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	3169/QĐ-UBND 25/04/2025	18.000	UBND xã Bắc Đông Hưng
9	Xây dựng đường ven kênh Tiên Hưng đoạn từ ĐT.455 xã Lô Giang huyện Đông Hưng đi xã Chi Lăng huyện Hưng Hà	1900/QĐ-UBND, 24/03/2025	4.300	UBND xã Bắc Tiên Hưng
V	HUYỆN HƯNG HÀ		731.320	
1	Xử lý cấp bách đường vào cụm di tích lịch sử Quốc gia Đình, Đền, Lăng thờ Thống Quốc Thái sư Trần Thủ Độ và Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung, xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà	7236/QĐ-UBND, 22/9/2021	1.000	UBND xã Long Hưng

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
2	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.70, đoạn từ đường tỉnh ĐT.452 (224 cũ) đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La	2480/QĐ-UBND ngày 21/4/2021	269	UBND xã Tiên La
3	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.65A, ĐH.65B huyện Hưng Hà; Đoạn từ Quốc lộ 39 (Km46+100) đến đường ĐH.59 đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà	2189/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	55.000	UBND xã Tiên La
4	Cải tạo đường ĐH.18, ĐH.19 đoạn từ bến đò Phú Hậu xã Độc Lập đi đê tà Trà Lý xã Chí Hòa	1467/QĐ-UBND; 15/3/2024	22.500	UBND xã Hồng Minh
5	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.62, huyện Hưng Hà	3881/QĐ-UBND; 26/5/2023	20.000	UBND xã Hồng Minh
6	Đường cứu hộ cứu nạn, đoạn từ đường ĐT.454 xã Minh Hòa đi đê Trà Lý xã Hồng Minh (giai đoạn 2)	5340/QĐ-UBND; 2/10/2019	1.500	UBND xã Hồng Minh
7	Cải tạo nâng cấp tuyến đường T33, huyện Hưng Hà (đoạn từ đường ĐH.63 xã Thái Phương đi ĐH.66B xã Thái Hưng)	2850/QĐ-UBND; 20/5/2022	20.000	UBND xã Tiên La
8	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Trần Tiến Đức đi khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn (đoạn từ ĐT.453 qua UBND xã Minh Tân vào khu lưu niệm)	3338/QĐ-UBND; 6/6/2022	65.000	UBND xã Lê Quý Đôn
9	Xử lý cấp bách đường từ Quốc lộ 39 đi khu di tích lịch sử Quốc gia đền thờ Trương nguyên Phạm Đôn Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	2795/QĐ-UBND; 10/5/2022	523	UBND xã Long Hưng
10	Xây dựng tuyến đường T40 kết nối khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn đi cụm di tích lịch sử cách mạng trường Vỹ Sĩ và khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung Công chúa xã Chí Hòa (đoạn từ ĐH.18A đi ĐT 452)	2670a/QĐ-UBND; 26/4/2022	35.000	UBND xã Hồng Minh
11	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử Cách mạng Trường Vỹ Sĩ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung Công chúa xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Giai đoạn 3)	16/QĐ-UBND 14/7/2022	16.000	UBND xã Hồng Minh
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giềng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)	6683/QĐ-UBND; 21/10/2024	5.443	UBND xã Long Hưng
13	Xây dựng tuyến đường từ QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà	8252/QĐ-UBND, 23/11/2022	35.000	UBND xã Ngự Thiên
14	Đường từ ĐT.468 qua Đền Tiên La đi Đền Trình và Bến Rước nước Đền Tiên La, xã Đoàn Hùng, huyện Hưng Hà	6376/QĐ-UBND, 15/9/2023	10.060	UBND xã Tiên La
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)	6364/QĐ-UBND, 12/9/2023	50.000	UBND xã Tiên La
16	Đường từ đường ĐH.71A đi Cụm công nghiệp Bắc Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà	8217/QĐ-UBND, 21/11/2023	35.000	UBND xã Thần Khê
17	Đường nối từ đường tỉnh ĐT.452 qua xã Duyên Hải, huyện Hưng Hà đi xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ	8074/QĐ-UBND, 14/11/2023	55.000	UBND xã Diên Hà
18	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.64A, đoạn từ công Hò xã Thống Nhất đi UBND xã Hòa Bình	8531/QĐ-UBND; 6/12/2023	1.165	UBND xã Hưng Hà
19	Tuyến đường nối đường ĐH.71 với đường ĐH.64	5543/QĐ-UBND; 31/7/2023	24.000	UBND xã Thần Khê
20	Tuyến đường từ đường ĐT.454 (Chân cầu Tịnh Xuyên) đi khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang và Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	5980/QĐ-UBND; 4/10/2024	65.000	UBND xã Hồng Minh
21	Xây dựng tuyến đường kết nối khu di tích lịch sử Quốc gia Đình làng Cổ Trai xã Hồng Minh với khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vỹ sỹ xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà	6679/QĐ-UBND; 21/10/2024	74.000	UBND xã Hồng Minh
22	Xây dựng tuyến đường kết nối khu di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đền Quốc mẫu, Lăng và Đình thờ Trần Thủ Độ xã Liên Hiệp với khu Lăng mộ và Đền thờ các vua Lê, Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu, thị trấn Hưng Nhân huyện Hưng Hà	3014/QĐ-UBND; 5/5/2023	21.360	UBND xã Long Hưng
23	Đầu tư xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đoạn từ QL.39 đến Dốc Văn đê tà Hồng Hà I, huyện Hưng Hà	2831/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	60.000	UBND xã Long Hưng
24	Xử lý khẩn cấp nút giao đường tỉnh ĐT.454 tại Km7+930, huyện Hưng Hà	6684/QĐ-UBND; 21/10/2024	8.500	UBND xã Hồng Minh
25	Xây dựng tuyến đường kết nối trung tâm UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà và xã Lô Giang, huyện Đông Hưng	2834/QĐ-UBND; 4/4/2025	50.000	UBND xã Thần Khê
VI	HUYỆN KIẾN XƯƠNG		391.224	
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Hòa Bình - Đình Phùng	2251/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	7.980	UBND xã Quang Lịch
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện Vũ Thắng - Bình Định, huyện Kiến Xương (Đoạn từ UBND xã Bình Định đến cầu Đò Mèn, xã Nam Hải, huyện Tiên Hải)	431/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	20.000	UBND xã Bình Định
3	Cải tạo, nâng cấp đường Bình Thanh - Bình Định - Hồng Tiến, huyện Kiến Xương	4371/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	14.834	UBND xã Bình Định
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.17A (đoạn từ Cầu Quán đến công Ông Vang thuộc địa phận xã Quang Bình), huyện Kiến Xương	2974/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	6.168	UBND xã Kiến Xương
5	Đường ĐT.457 (đường 222 cũ) đoạn từ cầu Trà Giang đi xã Bình Minh, huyện Kiến Xương	748/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	40.000	UBND xã Lê Lợi
6	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cơ sở Xứ ủy Bắc Kỳ năm 1930 (Nhà đồng chí Phạm Quang Lịch), xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	306/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	14.000	UBND xã Lê Lợi

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.16, huyện Kiến Xương (đoạn từ ngã ba chợ Đác xã Vũ Lễ đến đường 219 xã Quang Lịch)	323/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	20.000	UBND xã Vũ Quý
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 huyện Kiến Xương (Đoạn từ cầu nhà máy nước xã Vũ Hòa đến đường ĐH.13 huyện Vũ Thư)	314/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	26.836	UBND xã Hồng Vũ
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.460 đoạn từ nhà Văn hoá thôn 9, xã Vũ Trung đến đường ĐH.30 xã Vũ Hoà, huyện Kiến Xương	3150/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	35.000	UBND xã Vũ Quý
10	Trung Tâm Văn hóa Thể thao huyện Kiến Xương	1146/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	30.000	UBND xã Kiến Xương
11	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung Hợp tác xã Bình Định, huyện Kiến Xương	843/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	865	UBND xã Bình Định
12	Xử lý cấp bách nâng cấp tuyến đê bồi Trà Giang - Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	1116/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	70.041	UBND xã Trà Giang
13	Nâng cấp đường huyện ĐH.35 (đoạn từ giao với Quốc lộ 37B đến cầu Bắc Trạch), huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	1222/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	50.000	UBND xã Kiến Xương
14	Nạo vét kênh Đôn và kênh Rong huyện Kiến Xương	1076/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	1.500	UBND xã Bình Định
15	Xây dựng tuyến đường ĐH.26 đoạn từ xã Nam Bình đến xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương	2641/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	5.000	UBND xã Bình Định
16	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.22 xã An Bình, huyện Kiến Xương	249/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	5.000	UBND xã Bình Nguyên
17	Xây dựng tuyến đường huyện ĐH.30 đoạn từ đường huyện ĐH.17 thuộc xã Quang Bình đến đường tỉnh ĐT.458 thuộc thị trấn Kiến Xương	3499/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	5.000	UBND xã Kiến Xương
18	Đầu tư kết cấu hạ tầng Hợp tác xã Nam Cao (xã Thống Nhất mới), huyện Kiến Xương. Hạng mục: Kênh tưới tiêu và đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp (Đoạn từ thôn Nam Đường Đông đến thôn Cao Bạt Định)	2712/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	3.000	UBND xã Lê Lợi
19	Hạ tầng điểm dân cư thôn Quân Hành, xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương (phục vụ giải phóng mặt bằng và mở rộng dân cư)	818/QĐ-UBND ngày 20/2/2025	36.000	UBND xã Bình Nguyên
VII	HUYỆN TIỀN HẢI		403.932	
1	Đường từ khu công nghiệp Tiền Hải đi cảng Trà Lý, huyện Tiền Hải (Giai đoạn 2: Đoạn từ đường ĐH.31 đến cuối tuyến)	7946/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	69.585	UBND xã Tiền Hải
2	Cải tạo, mở rộng đường từ trường tiểu học Tây Lương đi quốc lộ 37 đi công Hàng Huyện (nối tiếp đường Vũ Lăng-Thượng Hiền)	4242/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	14.447	UBND xã Tiền Hải
3	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đê sông Trà Lý đến đường trục xã Vũ Lăng	2798/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	1.269	UBND xã Tiền Hải
4	Đường vành đai (Vũ Trọng) kéo dài cắt đường 8B xã An Ninh	11/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	40.000	UBND xã Tiền Hải
5	Xây dựng mới tuyến đường từ đường ĐH.30, xã Tây Phong đến đường 221A (ĐT.462) xã Tây Tiến, huyện Tiền Hải	4497/QĐ-UBND ngày 4/9/2024	31.100	UBND xã Ái Quốc
6	Đường Hùng Vương (Đoạn từ cầu qua Kênh Cỏ Rỗng đến đường ĐH.33)	939/QĐ-UBND ngày 12/2/2025	35.000	UBND xã Ái Quốc
7	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Cỏ Rỗng đi đến thành Bắc Trạch xã Tây Tiền Hải	843/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	40.000	UBND xã Tây Tiền Hải
8	GPMB và hạ tầng khu TĐC tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hưng (5ha)	5683/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	30.000	UBND xã Hưng Phú
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.36 từ đường ĐH.31 Đông Trung đi qua Đông Phong đến ĐT.465 xã Đông Cơ huyện Tiền Hải	1656/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	10.000	UBND xã Đông Tiền Hải
10	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố văn minh đô thị và nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước đô thị Tiền Hải.	1742/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	25.000	UBND xã Tiền Hải
11	Cải tạo nhà làm việc Huyện uỷ- HĐND-UBND huyện Tiền Hải và cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật	926/QĐ-UBND ngày 11/2/2025	3.130	UBND xã Tiền Hải
12	Cải tạo tuyến đường huyện đoạn từ cầu xã Tây Lương đến phòng khám đa khoa Lương Phú, huyện Tiền Hải	1748/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	25.000	UBND xã Tiền Hải
13	Cải tạo, nâng cấp Đường ĐH.39 kết nối với đường trục số 4 khu kinh tế xã Nam Phú, huyện Tiền Hải	7030/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	30.000	UBND xã Hưng Phú
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường đoạn từ ĐH.31 cây xăng xã Tây Ninh đến đường trục số 5 khu kinh tế thuộc xã Đông Quang, huyện Tiền Hải	928/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	32.000	UBND xã Tiền Hải
15	Xây dựng công qua đường Tạ Xuân Thu xã Tây Giang, huyện Tiền Hải	7030/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	13.601	UBND xã Ái Quốc
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.464 đoạn từ nút giao đường ven biển đến đường ĐT.465; đoạn tuyến nhánh từ nút giao với đường ĐH.34 đến trường Trung học phổ thông Đông Tiền Hải, huyện Tiền Hải	2270/QĐ-UBND, ngày 26/12/2024	3.800	UBND xã Đông Tiền Hải
VIII	HUYỆN VŨ THƯ		466.069	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.02 (đường 220C) đoạn còn lại từ ngã ba Tân Hòa đến giáp Tân Phong (Đoạn từ ngã ba Tân Hòa đến Tân Phong giao với ĐT.454)	2677/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	1.622	UBND phường Thái Bình
2	Nâng cấp, sửa chữa đường 10B từ cầu ngang S1 đến thành phố Thái Bình (đường bờ Nam sông Kiến Giang)	4553/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	3.201	UBND xã Vũ Thư

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
3	Đường ĐH.01 giai đoạn 2 đoạn từ ngã tư Quán đi Việt Hùng	5453/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	6.860	UBND xã Vũ Thư
4	Xây dựng Trung tâm hành chính công (giai đoạn 3), huyện Vũ Thư	6394/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	500	UBND xã Vũ Thư
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.09 và tuyến nhánh huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	3554/QĐ-UBND, ngày 29/6/2023	8.000	UBND xã Vũ Thư
6	Khu dân cư, tái định cư đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình đoạn từ cầu ngang S1 đến đường Chu Văn An kéo dài	5328/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	7.400	UBND phường Vũ Phúc
7	Nhà làm việc liên cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị - Xã hội huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	5059/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	3.683	UBND xã Vũ Thư
8	Các hạng mục phụ trợ sân, vườn và trang thiết bị nhà làm việc Huyện ủy	3553/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	2.720	UBND xã Vũ Thư
9	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 7 tầng trụ sở HĐND-UBND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	2749/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	200	UBND xã Vũ Thư
10	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm chính trị Huyện Vũ Thư	3652/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	130	UBND xã Vũ Thư
11	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.11 (Quốc lộ 10 đến UBND xã Tam Quang)	1986/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	5.000	UBND xã Vũ Thư
12	Cải tạo, nâng cấp đường số 2 (Đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường tránh S1, huyện Vũ Thư)	1910/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	15.933	UBND xã Vũ Thư
13	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường ĐH.08 và tuyến nhánh xã Phúc Thành	7386/QĐ-UBND 20/11/2023	6.200	UBND phường Thái Bình
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối vào khu thiết chế Công Đoàn	7371/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	35.934	UBND phường Vũ Phúc
15	Xây dựng đường gom kênh T6 xã Vũ Hội	8056/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	25.000	UBND xã Thư Vũ
16	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa đường Đoài - Việt - Vinh	2291/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	70.017	UBND xã Thư Vũ
17	Đường số 2 kéo dài đoạn từ đường tránh S1 đến tỉnh lộ 454 thuộc địa phận xã Minh Lăng huyện Vũ Thư	3375/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	75.000	UBND xã Vũ Thư
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.12 và tuyến nhánh huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	6075/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	21.500	UBND xã Tân Thuận
19	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.09 kéo dài từ đường ĐT.454 đến đê Trà Lý, huyện Vũ Thư	6221/QĐ-UBND ngày 28/9/2024	25.000	UBND xã Thư Tri
20	Xây dựng cấp bách công trình trạm bơm tiêu xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư	8266/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	800	UBND xã Tân Thuận
21	Trạm bơm tưới, tiêu vùng bãi xã Vũ Văn, huyện Vũ Thư	8415/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	8.000	UBND xã Thư Vũ
22	Xây dựng Trạm bơm tiêu xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	8494/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	8.000	UBND xã Vạn Xuân
23	Xây dựng Trạm bơm tiêu Hà chóc xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư	8495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	3.795	UBND xã Vạn Xuân
24	Xây dựng cầu Khê Kiều qua sông Cự Lâm, cầu Minh Khai qua sông Sọng và cống Thủy lợi qua sông Kênh trên tuyến đường ĐH.01, huyện Vũ Thư	1957/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	4.000	UBND xã Vũ Thư
25	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng qua địa phận xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư	2466/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	6.000	UBND xã Vũ Tiên
26	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng qua địa phận xã Vũ Tiên, huyện Vũ Thư	593/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	10.500	UBND xã Vũ Tiên
27	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.02 (đoạn từ đường ĐT.463 đến đê Từ Châu) và tuyến nhánh, huyện Vũ Thư	2436/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	6.500	UBND xã Vũ Thư
28	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.07B và tuyến nhánh thuộc địa phận xã Nguyên Xá (Đoạn từ đường tỉnh 463 lên đê sông Hồng)	2437/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	8.000	UBND phường Vũ Phúc
29	Đường cứu hộ, cứu nạn từ ĐT.463 đi đê sông Hồng đoạn qua địa phận xã Song An và xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư	2882/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	8.000	UBND phường Vũ Phúc
30	Đầu tư xây dựng cầu Thẩm huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	1791/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	9.500	UBND xã Vũ Thư
31	Đường từ chùa Keo ra bến dò Quán Cát xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư	1789/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	6.000	UBND xã Vũ Tiên
32	Đường cứu hộ, cứu nạn, chống ngập lụt ổn định dân cư và cứng hóa mặt đê bồi xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư	1790/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	40.000	UBND xã Vạn Xuân
33	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện hạ tầng đất dịch vụ (đất 5%) xã Minh Quang, huyện Vũ Thư	1790/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	4.000	UBND xã Vũ Thư
34	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Trung An	7652/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	400	UBND phường Vũ Phúc
35	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Hiệp Hòa	7653/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	610	UBND xã Thư Tri
36	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Vũ Tiên	7550/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	258	UBND xã Vũ Tiên

TT	Danh mục nhiệm vụ, công trình dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NST năm 2026	Chủ đầu tư
1	2	3	4	8
37	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Tự Tân	2051/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	920	UBND xã Tân Thuận
38	Xây dựng công trình hạ tầng vùng sản xuất rau màu tập trung gắn với phát triển du lịch nông thôn của Hợp tác xã nông nghiệp Vũ Hồng, xã Hồng Phong, huyện Vũ Thư	7536/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	6.886	UBND xã Vũ Tiên
39	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng phát triển du lịch sinh thái kết hợp du lịch tâm linh tại xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư	7542/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	20.000	UBND xã Tân Thuận

Phụ lục số 05

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2026 CỦA CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	10.229.500	10.229.500	
1	Phường Phố Hiến	136.000	136.000	
2	Phường Sơn Nam	68.000	68.000	
3	Phường Hồng Châu	68.000	68.000	
4	Phường Mỹ Hào	704.000	704.000	
5	Phường Đường Hào	136.000	136.000	
6	Phường Thượng Hồng	204.000	204.000	
7	Xã Tân Hưng	34.000	34.000	
8	Xã Hoàng Hoa Thám	81.600	81.600	
9	Xã Tiên Lữ	54.400	54.400	
10	Xã Tiên Hoa	6.800	6.800	
11	Xã Quang Hưng	156.400	156.400	
12	Xã Đoàn Đào	108.800	108.800	
13	Xã Tiên Tiến	81.600	81.600	
14	Xã Tống Trân	54.400	54.400	
15	Xã Lương Bằng	68.000	68.000	
16	Xã Nghĩa Dân	68.000	68.000	
17	Xã Hiệp Cường	68.000	68.000	
18	Xã Đức Hợp	34.000	34.000	
19	Xã Ân Thi	204.000	204.000	
20	Xã Xuân Trúc	170.000	170.000	
21	Xã Phạm Ngũ Lão	102.000	102.000	
22	Xã Nguyễn Trãi	176.800	176.800	
23	Xã Hồng Quang	108.800	108.800	
24	Xã Khoái Châu	95.200	95.200	
25	Xã Triệu Việt Vương	224.400	224.400	
26	Xã Việt Tiến	527.200	527.200	
27	Xã Chí Minh	20.400	20.400	
28	Xã Châu Ninh	68.000	68.000	
29	Xã Yên Mỹ	569.500	569.500	
30	Xã Việt Yên	156.400	156.400	
31	Xã Hoàn Long	190.400	190.400	
32	Xã Nguyễn Văn Linh	498.100	498.100	
33	Xã Như Quỳnh	204.000	204.000	
34	Xã Lạc Đạo	68.000	68.000	
35	Xã Đại Đồng	340.000	340.000	
36	Xã Nghĩa Trụ	221.850	221.850	
37	Xã Phụng Công	20.400	20.400	
38	Xã Văn Giang	323.000	323.000	
39	Xã Mỹ Sở	74.800	74.800	
40	Xã Hưng Hà	88.400	88.400	
41	Xã Hồng Minh	6.800	6.800	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5
42	Xã Lê Quý Đôn	104.975	104.975	
43	Xã Ngự Thiên	6.800	6.800	
44	Xã Tiên La	6.800	6.800	
45	Xã Thần Khê	6.800	6.800	
46	Xã Diên Hà	10.200	10.200	
47	Xã Long Hưng	10.200	10.200	
48	Xã Kiến Xương	61.200	61.200	
49	Xã Trà Giang	6.800	6.800	
50	Xã Đông Hưng	102.000	102.000	
51	Xã Nam Tiên Hưng	6.800	6.800	
52	Xã Tiên Hưng	6.800	6.800	
53	Xã Bắc Tiên Hưng	34.000	34.000	
54	Xã Đông Tiên Hưng	16.320	16.320	
55	Xã Nam Đông Hưng	23.800	23.800	
56	Xã Bắc Đông Hưng	27.880	27.880	
57	Xã Bắc Đông Quan	6.800	6.800	
58	Xã Đông Quan	13.600	13.600	
59	Xã Quang Lịch	6.800	6.800	
60	Xã Hồng Vũ	6.800	6.800	
61	Xã Quỳnh Phụ	357.850	357.850	
62	Xã Minh Thọ	6.800	6.800	
63	Xã Nguyễn Du	6.800	6.800	
64	Xã Quỳnh An	6.800	6.800	
65	Xã Ngọc Lâm	6.800	6.800	
66	Xã Đồng Bằng	6.800	6.800	
67	Xã A Sào	88.400	88.400	
68	Xã Phụ Dực	101.575	101.575	
69	Xã Tân Tiến	6.800	6.800	
70	Xã Lê Lợi	6.800	6.800	
71	Xã Thái Thụy	18.360	18.360	
72	Xã Thụy Anh	37.400	37.400	
73	Xã Đông Thụy Anh	12.240	12.240	
74	Xã Tây Thụy Anh	27.200	27.200	
75	Xã Nam Thụy Anh	6.800	6.800	
76	Xã Bắc Thụy Anh	27.200	27.200	
77	Xã Thái Ninh	20.400	20.400	
78	Xã Đông Thái Ninh	23.800	23.800	
79	Xã Tây Thái Ninh	6.800	6.800	
80	Xã Nam Thái Ninh	6.800	6.800	
81	Xã Bắc Thái Ninh	17.000	17.000	
82	Xã Bình Thanh	6.800	6.800	
83	Xã Bình Nguyên	6.800	6.800	
84	Xã Tiên Hải	345.950	345.950	
85	Xã Tây Tiên Hải	6.800	6.800	
86	Xã Ái Quốc	68.000	68.000	
87	Xã Đồng Châu	34.000	34.000	
88	Xã Đông Tiên Hải	13.600	13.600	
89	Xã Nam Cường	34.000	34.000	
90	Xã Hưng Phú	554.400	554.400	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5
91	Xã Nam Tiền Hải	6.800	6.800	
92	Xã Vũ Quý	20.400	20.400	
93	Xã Thư Vũ	2.040	2.040	
94	Xã Thư Trì	4.760	4.760	
95	Xã Tân Thuận	20.400	20.400	
96	Xã Vũ Tiên	27.200	27.200	
97	Xã Vạn Xuân	44.200	44.200	
98	Xã Vũ Thư	37.400	37.400	
99	Xã Bình Định	6.800	6.800	
100	Phường Thái Bình	545.700	545.700	
101	Phường Trần Lãm	238.000	238.000	
102	Phường Trần Hưng Đạo	227.800	227.800	
103	Phường Vũ Phúc	115.600	115.600	
104	Phường Trà Lý	6.800	6.800	

Phụ lục số 6

KẾ HOẠCH VỐN PHÂN BỐ CHO CÁC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Nguồn thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
		Tổng số	Nguồn thu sử dụng đất	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	11.350	11.350	
1	Công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính	11.350	11.350	

Handwritten signature